

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	4
DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU.....	5
DANH MỤC CÁC HÌNH ẢNH.....	6
CHƯƠNG I.....	7
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	7
1. Tên chủ dự án đầu tư	7
<i>Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh.....</i>	<i>7</i>
2. Tên dự án đầu tư:.....	7
2.1 <i>Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Một phần lô B55, KCN Phú Tài, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định có giới cận như sau:</i>	<i>7</i>
2.2 <i>Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép liên quan đến môi trường của dự án đầu tư:</i>	<i>8</i>
2.3 <i>Quy mô của dự án đầu tư:</i>	<i>9</i>
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư	11
3.1 Công suất hoạt động của dự án đầu tư:	11
3.2 Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:	11
3.3 Sản phẩm của dự án đầu tư:.....	14
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:	14
4.1. <i>Trong giai đoạn xây dựng:</i>	<i>14</i>
4.1.1 <i>Nguyên vật liệu cho quá trình xây dựng:</i>	<i>14</i>
4.1.2 <i>Nhiên liệu sử dụng của các máy móc, thiết bị</i>	<i>15</i>
4.1.3 <i>Nhu cầu sử dụng nước cho thi công xây dựng.....</i>	<i>16</i>
4.1.4 <i>Nhu cầu sử dụng điện.....</i>	<i>16</i>
4.2. <i>Giai đoạn hoạt động</i>	<i>17</i>
4.2.1 <i>Nhu cầu nguyên phụ liệu cho sản xuất</i>	<i>17</i>
4.2.2 <i>Nhu cầu sử dụng nhiên liệu lò đốt</i>	<i>17</i>
4.2.3 <i>Nhu cầu sử dụng hóa chất.....</i>	<i>17</i>
4.2.4 <i>Nhu cầu sử dụng điện:</i>	<i>18</i>

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

4.2.1	<i>Nhu cầu sử dụng nước</i>	19
5.	Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư	20
5.1.	<i>Các hạng mục công trình tại dự án</i>	21
5.2.	Quy hoạch tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:	21
5.3.	<i>Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật:</i>	21
5.4.	Tiến độ thực hiện dự án	22
5.5.	Tổng vốn đầu tư dự án:.....	23
5.6.	Tổ chức quản lý và thực hiện dự án:	23
Chương II.....		24
SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG		24
1.	Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	24
2.	Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	24
Chương III		29
HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ		29
3.1.	Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật:	29
3.2.	Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án	29
3.3.	Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường không khí nơi thực hiện dự án ...	29
Chương IV		32
ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ		32
4.1.	Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án	32
4.2.	Về công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại	33
4.3.	Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	34
4.4.	Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	36
4.5.	Các biện pháp bảo vệ môi trường khác	36
2.	Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành.....	38
2.1.	<i>Về công trình, thu gom xử lý nước thải</i>	38
2.2.	Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	42

Chủ dự án : Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TV Môi trường Tiến Vương

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn	46
2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường	49
2.5. Phương pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành	49
2.6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố lò hơi	50
2.7. Biện pháp thu gom và xử lý nước thải	53
3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	54
4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo.....	54
CHƯƠNG V.....	56
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	56
5.1. Nội dung cấp phép đối với nước thải	56
5.2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với khí thải:	57
5.3. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với tiếng ồn, độ rung:	58
CHƯƠNG VI.....	59
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN.....	59
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư.....	59
1.1 Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	59
1.2 Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	59
1.3 Kế hoạch đo đạc và lấy mẫu phân tích chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình thiết bị xử lý chất thải	59
2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định pháp luật	60
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	60
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	61
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án.....	61
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	61
Chương VII.....	62
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	62
PHỤ LỤC	63

heob 1

Chủ dự án: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh
Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TV Môi trường Tiến Vương

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT
B

BOD ₅	Nhu cầu oxy sinh hóa
BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
BTCT	Bê tông cốt thép
BXD	Bộ xây dựng

C

CCN	Cụm công nghiệp
COD	Nhu cầu oxy hóa học
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
CTRCNTT	Chất thải rắn công nghiệp thông thường
CTCNPKS	Chất thải công nghiệp phải kiểm soát
CTRSH	Chất thải rắn sinh hoạt

H,K

HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
KCN	Khu Công Nghiệp

N

NĐ-CP	Nghị định - Chính phủ
-------	-----------------------

P, Q

PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

TSS	Tổng chất rắn lơ lửng
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TT	Thông tư

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1 Tọa độ ranh giới khu đất của dự án	7
Bảng 1.2. Bảng thống kê công trình hiện trạng của Dự án.....	9
Bảng 1.3. Bảng thống kê các hạng mục công trình dự án khi đầu tư mở rộng của Dự án	9
Bảng 1.4. Nguyên vật liệu sử dụng trong giai đoạn xây dựng dự án.....	15
Bảng 1.5 Nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị trong giai đoạn xây dựng.....	15
Bảng 1.6. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu trong thi công giai đoạn xây dựng.....	16
Bảng 1.7. Vật liệu phục vụ cho sản xuất.....	17
Bảng 1.8. Danh mục hóa chất sử dụng.....	17
Bảng 1.9. Nhu cầu sử dụng điện của dự án.....	18
Bảng 1.10. Danh sách công suất thiết bị sử dụng điện	18
Bảng 1.11. Nhu cầu sử dụng nước của dự án.....	19
Bảng 1.12. Chỉ tiêu cơ cấu sử dụng đất của Dự án.....	21
Bảng 1.13 Chỉ tiêu cấp điện cho sản xuất công nghiệp, kho tàng	22
Bảng 3.1. Vị trí lấy mẫu không khí xung.....	30
Bảng 3.2. Kết quả quan trắc không khí xung quanh của KCN, năm 2024.....	30
Bảng 4.1 Nồng độ các chất ô nhiễm trong NTSH trong giai đoạn thi công.....	33
Bảng 4.2. Nồng độ các chất ô nhiễm thải trong NTSH trong giai đoạn vận hành	38
Bảng 4.3 Tổng hợp hệ thống thu gom, thoát nước thải của dự án.....	40
Bảng 4. 4. Thông số kỹ thuật công trình thu gom, xử lý nước thải	41
Bảng 4.5. Bảng tổng thể khối lượng cấu kiện thoát nước.....	41
Bảng 4.6. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi công đoạn chế biến gỗ	43
Khí thải từ công đoạn phun sơn sẽ được thu vào tủ chụp hút thông qua hạt hút công suất 7,5 Hp. Dòng khí này sẽ đi qua tháp hấp phụ màng nước và sẽ được hấp phụ trước khi thải ra môi trường. Dự án có 02 hệ thống:	44
Bảng 4.7. Bảng thông số kỹ thuật hệ thống xử lý hơi dung môi công đoạn phun sơn	44
Bảng 4.8. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khói thải	46
Bảng 4.9. Dự báo khối lượng chất thải nguy hại phát sinh.....	48
Bảng 4.10 Dự báo khối lượng CTCNPKS phát sinh	48
Bảng 4.11. Danh mục, kế hoạch và khai toán kinh phí thực hiện, xây dựng, lắp đặt các công trình , biện pháp bảo vệ môi trường giai đoạn vận hành dự án	54
Bảng 5.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm	58
Bảng 6.1. Kế hoạch quan trắc và mẫu khí thải	59
Bảng 6.2. Kế hoạch đo đạc và lấy mẫu phân tích chất thải	59

DANH MỤC CÁC HÌNH ẢNH

Hình 1.1. Vị trí khu đất hiện trạng và phân mở rộng của Dự án trên bản đồ vệ tinh Google Earth	8
Hình 1.2. Dây chuyền sản xuất đồ gỗ	14
Hình 1.3 Sản phẩm đồ gỗ nội thất.....	14
Hình 1.4. Sơ đồ cơ cấu tổ chức nhân sự của dự án.....	23
Hình 2.1. Sơ đồ quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải KCN Phú Tài...	26
Hình 3.1. Vị trí khu đất lấy mẫu không khí của Dự án trên bản đồ vệ tinh Google Earth	30
Hình 4.1. Sơ đồ mạng lưới thu gom, thoát nước thải tại nhà máy.....	39
Hình 4.2. Sơ đồ bể tự hoại 3 ngăn.....	40
.....	42
Hình 4.3. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của dự án	42
Hình 4.4 . Quy trình xử lý bụi công đoạn chế biến gỗ.....	42
Hình 4.5. Xử lý hơi dung môi công đoạn phun sơn.....	44
Hình 4.6. Sơ đồ quy trình xử lý khí thải lò hơi	45

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh

- Địa chỉ văn phòng: Một phần lô B55, KCN Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

- Người đại diện theo pháp luật của chủ Dự án: Ông: Đỗ Thành Trung

- Chức vụ: Giám Đốc

- Điện thoại: 0932443379.

- Văn bản pháp lý của dự án:

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp số 4101467165 đăng ký lần đầu ngày 22/06/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27/12/2022 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

+ Hợp đồng cho thuê lại đất gắn kết hạ tầng lô đất B55 và B55MR, KCN Phú Tài số 08F/2023/HĐBS- TLĐ-A ngày 04/8/2023.

2. Tên dự án đầu tư:

Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ Nội Địa

(gọi tắt Dự án)

2.1 Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Một phần lô B55, KCN Phú Tài, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định có giới cận như sau:

- Mở rộng ranh giới lô đất B55 về phía Đông và phía Nam, tăng quy mô diện tích từ 1.335,2m² → 7.835,2m² với tổng diện tích sử dụng đất là 7.835,2m², trong đó:

+ Diện tích khu đất hiện trạng của Dự án: 1.335,2m².

+ Diện tích khu đất mở rộng của Dự án: 6.500 m².

- Dự án được xây dựng trên khu đất có diện tích 7.835,2 m², có giới cận tọa độ ranh giới khu đất của Dự án:

+ Phía Đông giáp: Công ty TNHH Granite An Nhơn và phần đất cây xanh của KCN.

+ Phía Tây giáp: Mương thoát nước địa hình KCN;

+ Phía Nam giáp: Đất hành lang cây xanh của KCN;

+ Phía Bắc giáp: Đường giao thông nội bộ số 23.

Vị trí khu đất hiện trạng và phần mở rộng của Dự án được thể hiện trong hình sau:

Bảng 1.1 Tọa độ ranh giới khu đất của dự án

Điểm mốc	Hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trục 108 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y(m)
R1	1523342	596375
R2	1523346	596434
R3	1523294	596437
R4	1523297	596471

Chủ dự án: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TV Môi trường Tiến Vương

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

Điểm mốc	Hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trục 108 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y(m)
R5	1523267	596472
R6	1523259	596356
R7	1523289	596354
R8	1523298	596351
R9	1523339	596350
R1	1523342	596375



Hình 1.1. Vị trí khu đất hiện trạng và phần mở rộng của Dự án trên bản đồ vệ tinh Google Earth

2. 2 Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép liên quan đến môi trường của dự án đầu tư:

Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định là cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng và cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, cụ thể:

+ Kết quả Thẩm định số 51/TĐ-BQL ngày 14/6/2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế về phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Mở rộng dây chuyền xưởng sản xuất đồ gỗ XK và TTND tại một phần lô B55, KCN Phú Tài.

Chủ dự án: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh
Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TV Môi trường Tiến Vương

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

+ Giấy xác nhận số 14/GXN-BQL ngày 31/3/2017 của Ban Quản lý Khu kinh tế xác nhận đăng ký Kế hoạch Bảo vệ môi trường của dự án Mở rộng dây chuyên xưởng sản xuất đồ gỗ XK và TTND tại một phần lô B55, KCN Phú Tài.

Trong thời gian qua dự án chỉ tiến hành xây dựng một số công trình hiện trạng một phần lô B55 được thống kê tại bảng sau:

Bảng 1.2. Bảng thống kê công trình hiện trạng của Dự án

Ký hiệu	Loại đất	Diện tích xây dựng (m²)	Số tầng	Tổng diện tích sàn	Tỷ lệ (%)
I	Đất xây dựng công trình	1.341,1			17,1
1	Xưởng sản xuất	642,0	1	642,0	
2	Nhà bảo vệ và quản lý sản xuất	27,5	1	27,5	
3	Nhà vệ sinh	8,4	1	8,4	
4	Nhà vệ sinh 2	5,2	1	5,2	
5	Mái che nhà xưởng	658,0	1	658,0	
II	Diện tích cây xanh	-			0,0
III	Đất giao thông nội bộ, sân bãi	6.494,1			82,9
IV	Tổng cộng (I, II, III)	7.835,2			100

(Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh)

2. 3 Quy mô của dự án đầu tư:

- Dự án có tổng vốn đầu tư là 11.000.000.000 đồng.

+ Theo quy định của Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019, Dự án thuộc loại hình xây dựng công nghiệp, nhóm C.

+ Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, quy mô dự án đầu tư nhóm III.

- Quy mô diện tích: Tổng diện tích 7.835,2 m² đã được Ban Quản lý Khu kinh tế chấp thuận tại Quyết định số 242/QĐ- BQL.

Chủ dự án sẽ tiến hành xây dựng một số hạng mục mới và tiến hành lắp đặt máy móc, thiết bị để đưa dự án vào hoạt động sản xuất. Các hạng mục công trình chính của dự án bao gồm:

Bảng 1.3. Bảng thống kê các hạng mục công trình dự án khi đầu tư mở rộng của Dự án

Chủ dự án: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TV Môi trường Tiến Vương

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

Ký hiệu	Tên hạng mục công trình	Số tầng	Diện tích xây dựng (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Ghi chú
I	Đất xây dựng công trình		4,518.50	4,518.50	
1	Xưởng sản xuất	1	642,0	642,0	Hiện trạng
2	Nhà bảo vệ và quản lý sản xuất	1	27,5	27,5	Hiện trạng
3	Nhà vệ sinh 1	1	8,4	8,4	Hiện trạng
4	Nhà vệ sinh 2	1	5,2	5,2	Hiện trạng
5	Mái che nhà xưởng	1	658,0	658,0	Hiện trạng
1	Xưởng sản xuất số 1	1	1.200,0	1.200,0	Xây mới
2	Xưởng sản xuất số 2	1	1.774,5	1.774,5	Xây mới
3	Xưởng sản xuất số 3	1	780,0	780,0	Xây mới
4	Lò sấy	1	176,0	176,0	Xây mới
4a	Mái che lò sấy	1	140,0	140,0	Xây mới
4b	Khu vực lò hơi	1	49,0	49,0	Xây mới
5	Nhà Văn phòng + Căn tin + Showroom	2	175,0	407,0	Xây mới
	Tầng 1			175,0	Xây mới
	Tầng 2			232,0	Xây mới
6	Nhà xe	1	42,0	42,0	Xây mới
7	Nhà hút bụi	1	21,0	21,0	Xây mới
8	Nhà chứa CTR, CTNH	1	9,0	9,0	Xây mới
9	Nhà bảo vệ	1	12,0	12,0	Xây mới
10	Bể nước ngầm PCCC 450 m ³ và Nhà đặt máy bơm	1	120,0	120,0	Xây mới
II	Diện tích cây xanh		1,572.00	1,572.00	
III	Đất giao thông nội bộ, sân bãi		1,744.70	1,744.70	
IV	Tổng cộng (I, II, III)		7.835,2	7.835,2	

Ghi chú:

+ Nhà Văn phòng, căn tin, Showroom 02 tầng đầu tư xây dựng hoàn thiện công trình hạ tầng thu gom, xử lý nước thải đảm bảo phục vụ cho quá trình thu gom, xử lý sơ bộ nước thải .

+ Nhà Văn phòng, căn tin, Showroom đi vào hoạt động, đồng thời đảm bảo đấu nối nước thải vào hồ ga của khu nhà Văn phòng, căn tin, Showroom vào đường ống dẫn nước thải về bể xử lý nước thải tập trung.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường**Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ**

+ Lò sấy đang xây dựng là các buồng chứa nguyên liệu để sấy, sử dụng nồi hơi 500kg/giờ với lò sấy.

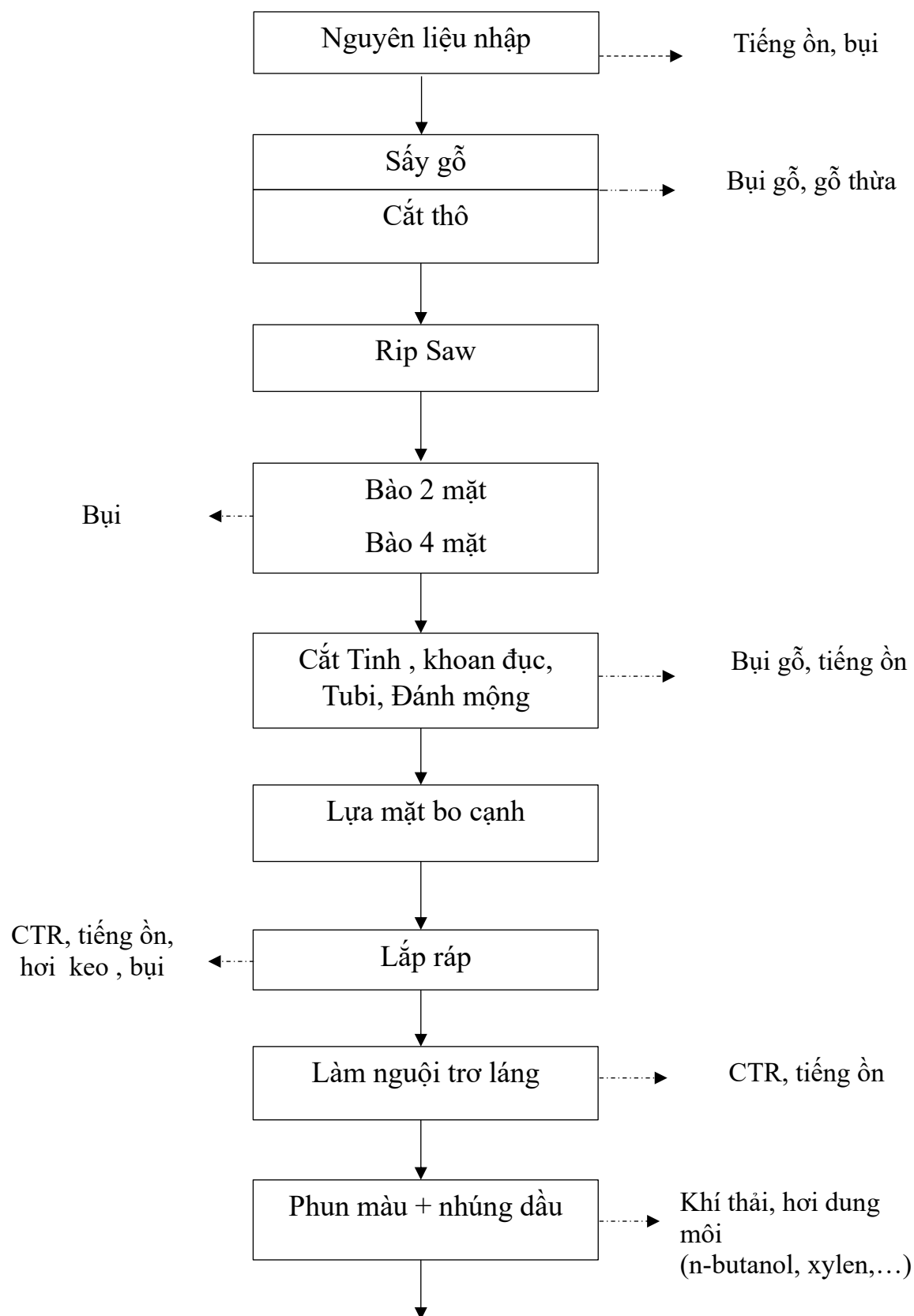
+ Đối với xưởng cưa CD, hiện nay Công ty có nhu cầu sử dụng gỗ xẻ thu mua từ các đơn vị khác phục vụ cho sản xuất nên không bố trí xưởng cưa CD trong mặt bằng.

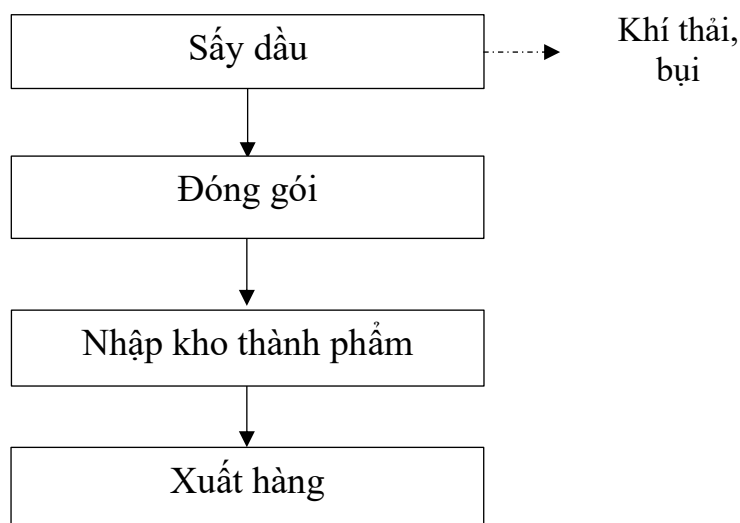
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư**3.1 Công suất hoạt động của dự án đầu tư:**

Công suất ban đầu của Dự án là 15.000 sản phẩm/năm. Sau khi mở rộng Dự án lò sấy, văn phòng, căn tin, nhà hút bụi, nhà chứa chất thải rắn, bể nước PCCC nên công suất hoạt động dự kiến là 900m³ sản phẩm/năm với tổng diện tích 7.835,2 m².

3.2 Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:

✚ Quy trình sản xuất, chế biến gỗ tại Nhà máy được thể hiện theo sơ đồ sau:





Thuyết minh:

+ *Nguyên liệu*: Nguyên liệu sản xuất đồ gỗ là thu mua nguyên liệu theo kế hoạch sản xuất. Gỗ không mối mọt, không phe lẹm, đủ quy cách. Nghiệm thu gỗ theo đúng quy cách đơn đặt hàng.

+ *Công đoạn sấy gỗ*: Độ ẩm của nguyên liệu là rất quan trọng trong quá trình sản xuất đồ gỗ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa. Nếu độ ẩm vật liệu quá cao thì quá trình sản xuất vật liệu trở nên khó khăn trong quá trình sản xuất, còn nếu độ ẩm quá nhỏ thì quá trình tạo ra đồ gỗ không thể thực hiện được.

+ *Cắt thô*: Cắt thô theo đúng quy định đơn đặt hàng.

+ *Máy Rip Saw*: Máy Rip Saw rong bìa gỗ và cắt lấy phôi theo kích thước của sản phẩm trong quá trình sản xuất.

+ *Cắt tinh, khoan đục, tubi, đánh mộng*: Cắt tinh, khoan đục, tubi, đánh mộng theo đúng quy cách của sản phẩm trong quá trình sản xuất.

+ *Lựa mặt bo cạnh*: Lựa mặt A cho máy bo dầu, loại bỏ tim ruột, mối mọt, phe lẹm, mắt chét lớn, thiếu quy cách.

+ *Công đoạn lắp ráp*: Lắp ráp các thanh gỗ chi tiết sẽ được lắp ghép lại với nhau thành mảng sản phẩm.

+ *Làm nguội trơ láng*: Sử dụng giấy nhám và các dụng cụ cầm tay để làm sạch và tạo độ láng bề mặt chi tiết sản phẩm. Công đoạn này có sử dụng keo sữa để liên kết các chi tiết lại với nhau cho đạt độ vững. Sử dụng keo mau khô để sửa chữa và tạo độ láng bề mặt chi tiết đạt yêu cầu.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyền Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

+ Công đoạn phun màu + nhúng dầu: Chủ dự án sử dụng công nghệ phun sơn màng nước bằng hệ thống dây chuyền treo để tạo màu cũng như tạo độ bóng, bảo vệ bề mặt cho sản phẩm.



Hình 1.2. Dây chuyền sản xuất đồ gỗ

3.3 Sản phẩm của dự án đầu tư:

Sản phẩm của Nhà máy chủ yếu là sản phẩm giường, tủ, bàn ghế gỗ ngoài trời,... bằng gỗ và vật liệu khác.

Một số hình ảnh của sản phẩm được thể hiện như sau :



Hình 1.3 Sản phẩm đồ gỗ nội thất

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:

4.1. Trong giai đoạn xây dựng:

4.1.1 Nguyên vật liệu cho quá trình xây dựng:

Chủ dự án : Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh
Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TV Môi trường Tiến Vương

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

Bảng 1.4. Nguyên vật liệu sử dụng trong giai đoạn xây dựng dự án

STT	Nguyên liệu	Đơn vị	Khối lượng
1.	Bê tông	m^3	200
2.	Gạch	viên	500
3.	Xi măng thường	kg	1000
4.	Tôn	kg	4.000
5.	Nhôm, kính	kg	400

(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh)

Nhu cầu nguyên vật liệu phục vụ việc xây dựng Dự án bao gồm sắt, thép, đá, cát, xi măng,... Nguồn cung ứng vật liệu được mua từ các đại lý trên địa bàn thành phố Quy Nhơn, đáp ứng các yêu cầu sau:

- **Cát:** Cát phải đảm bảo độ sạch, lẫn tạp chất không vượt quá giới hạn cho phép. Cát thiên nhiên dùng cho bê tông thỏa mãn kỹ thuật trong thiết kế và TCVN 1770:1986, 14TCN68:1998.

- **Sắt thép:** Có nguồn gốc rõ ràng và có giấy chứng nhận của nhà máy về chất lượng thép và được kiểm tra chất lượng theo quyết định.

- **Đá các loại:** Cứng rắn, đặc chắc, bền, không bị nứt rạn, không bị phong hóa, không bị hà. Quy cách đá sử dụng cho công trình phải đảm bảo theo yêu cầu của thiết kế về cường độ, trọng lượng viên đá, kích thước và hình dạng...; Kích thước đá phụ thuộc từng kết cấu theo bản vẽ thiết kế; Mặt đá lộ ra ngoài phải tương đối bằng phẳng.

- **Xi măng:** Xi măng cho công trình là xi măng PC30, PC40 thỏa mãn TCVN 2682 - 1992 và TCXD 65:1989, toàn bộ xi măng đưa vào đều phải có chứng chỉ chất lượng, thời gian xuất xưởng và được kiểm định chuyên môn.

4.1. 2 Nhiên liệu sử dụng của các máy móc, thiết bị

a. Nhu cầu sử dụng của máy móc

Trong giai đoạn thi công xây dựng, các thiết bị, máy móc thi công sử dụng nhiên liệu xăng, điện,... Khối lượng nhiên liệu tiêu hao được xác định như sau:

Bảng 1.5 Nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị trong giai đoạn xây dựng

STT	Loại thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tình trạng sử dụng
1	Ô tô tự đổ 10T	Xe	2	80%
2	Ô tô tưới nước, dung tích 5m ³	Xe	1	80%
3	Cần trục ô tô 3T	Xe	1	75%
4	Máy trộn bê tông 250l	Cái	1	80%
5	Máy hàn 23kw	Cái	1	75%
6	Máy cắt uốn cốt thép 5kw	Cái	1	80%
7	Máy cắt gạch đá 1,7kw	Cái	1	75%

Chủ dự án: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung ThanhĐơn vị tư vấn: Công ty TNHH TV Môi trường Tiến Vương

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

STT	Loại thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tình trạng sử dụng
8	Máy đào 0,8m ³	Máy	1	80%
9	Máy ủi 110CV	Máy	1	75%

(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh)

b. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu**Bảng 1.6. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu trong thi công giai đoạn xây dựng**

STT	Thiết bị	Số lượng (chiếc)	Nhiên liệu (lít)	Tổng nhu cầu sử dụng nhiên liệu (lít)	Khối lượng dầu tiêu thụ (kg/h) (trọng lượng riêng của dầu là 0,8 kg/l, 1 ca = 8h)
1	Ô tô tự đổ 10T	2	28	14	11,4
2	Ô tô tưới nước, dung tích 5m ³	1	11	11	1,1
3	Cần trục ô tô 3T	1	12	12	1,2
4	Máy đào 0,8m ³	1	32	32	3,2
5	Máy ủi 110CV	1	23	23	2,3
Tổng cộng				92	19,2

Ghi chú:

Định mức nhiên liệu được lấy theo Văn bản số 3655/UBND-KT ngày 07/6/2023 về việc Công bố giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng tỉnh Bình Định năm 2023).

Nguồn cung cấp: Nhiên liệu được nhà thầu thi công thu mua tại các Dự án bán xăng dầu trên địa bàn tỉnh. (Khối lượng riêng của dầu 0,8kg/lít (1ca = 8h)

4.1. 3 Nhu cầu sử dụng nước cho thi công xây dựng

- **Nước dùng cho sinh hoạt của công nhân:** Trong giai đoạn thi công xây dựng các hạng mục công trình phục vụ giai đoạn thi công dự kiến sẽ sử dụng khoảng 15 người. Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của mỗi công nhân bình quân theo TCXDVN 33:2006 là 45 lít/người/ngày. Như vậy nhu cầu cấp nước sinh hoạt sẽ là:

$$Q = 15 \text{ người} \times 45 \text{ lít/người/ngày} = 0,67\text{m}^3/\text{ngày}.$$

- Nguồn nước cấp: Khu vực dự án đã có đường ống cấp nước sạch do Công ty Cấp thoát nước Bình Định đầu tư và cung cấp nước sạch cho các nhà máy.

4.1. 4 Nhu cầu sử dụng điện

- *Nguồn điện:* Được sử dụng từ trạm biến áp doanh nghiệp đã hợp đồng với điện lực đặt cạnh trạm biến áp của Công ty TNHH Trường Sơn, sau đó sử dụng đường dây 0,4KV nội bộ để cung cấp cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt của nhà máy.

Chủ dự án: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TV Môi trường Tiến Vương

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

4.2. Giai đoạn hoạt động

4.2.1 Nhu cầu nguyên phụ liệu cho sản xuất

Bảng 1.7. Vật liệu phục vụ cho sản xuất

STT	Nhu cầu sử dụng	Đơn vị	Khối lượng sử dụng
1.	Gỗ xẻ	m ³ /năm	7.500
2.	Ốc, vít, đinh ghim	tấn/ năm	100
3.	Giấy nhám	kg/ năm	1000
4.	Bao bì carton	tấn/ năm	4000

4.2.2 Nhu cầu sử dụng nhiên liệu lò đốt

Nhà máy sử dụng 01 lò hơi công suất 30 Hp đốt bằng nhiên liệu củi, gỗ với định mức tiêu thụ nhiên liệu là 6000 kg củi, gỗ/ngày cho quá trình hoạt động 01 ca/ngày.

4.2.3 Nhu cầu sử dụng hóa chất

Bảng 1.8. Danh mục hóa chất sử dụng

Stt	Tên hóa chất	ĐVT	Khối lượng	Mục đích sử dụng
1	Dầu màu, sơn lót (phụ gia, nhựa alkyl tổng hợp dung môi)	Kg/năm	20.000	Tạo màu cho sản phẩm gỗ
2	Dầu nhúng (OBT-01N-250917)	Kg/năm	10.000	Nhúng dầu nhằm bảo quản gỗ để tránh mối mọt
3	Nhớt	Kg/năm	100	Dùng cho xe nâng, xe đưa đón, máy móc, máy nén khí
4	Oxi già (H ₂ O ₂)	Kg/năm	200	Xử lý khuyết tật về màu sắc của gỗ
5	Keo 502	Kg/năm	80	Dùng cho công đoạn làm nguội trám trít
6	Amoniac	Kg/năm	100	Xử lý khuyết tật về màu sắc của gỗ
7	Dầu DO	Kg/năm	200	Dùng cho xe đưa đón, xe nâng
8	Keo sữa	Kg/năm	2.000	Dùng để liên kết các chi tiết gỗ với nhau

Chủ dự án: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TV Môi trường Tiến Vương

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

4.2. 4 Nhu cầu sử dụng điện:

- Dựa vào hóa đơn tiền điện, ta thấy lượng điện năng tiêu thụ trung bình như bảng sau:

Bảng 1.9. Nhu cầu sử dụng điện của dự án

STT	KỲ	Thời gian	Khối lượng tiêu thụ (m ³ /tháng)	Khối lượng tiêu thụ (m ³ / ngày)
1	Kỳ 1	Từ 1/11/2023-15/11/2023	14.308	0,95
2	Kỳ 2	Từ 16/11/2023- 30/11/2023	14.250	0,95
3	Kỳ 3	Từ 1/12/2023-15/12/2023	14.402	0.96
4	Kỳ 4	Từ 16/12/2023- 31/12/2023	13.854	0.92
Trung bình tháng			14.2035	0.945

(Nguồn : Công ty TNHH Trung Thanh)

- Nhu cầu sử dụng điện năng cho các máy móc thiết bị sản xuất và hoạt động của văn phòng trung bình khoảng 14,2 Kwh/tháng.

- Hệ thống điện được đấu nối sử dụng lưới điện hiện trạng của KCN Phú Tài thông qua Trạm biến áp 250kVA (tại vị trí hành lang kỹ thuật, cạnh TBA của Công ty Trường Sơn) để phân phối cho nhà máy.

❖ Nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị

Việc lựa chọn công nghệ cho sản xuất thường đi kèm với việc lựa chọn máy móc thiết bị, do đó việc lựa chọn máy móc thiết bị đảm bảo các yêu cầu sau:

- Khả năng đảm bảo phù hợp với công suất và công nghệ đã lựa chọn.
- Phù hợp gắn với mục tiêu tăng dần tỷ lệ thiết bị chế tạo trong nước.
- Máy móc thiết bị phải hiện đại tiên tiến, sản xuất công nghiệp.
- Đảm bảo an toàn về cháy nổ, vệ sinh môi trường.

Bảng 1.10. Danh sách công suất thiết bị sử dụng điện

STT	Tên thiết bị	Công suất (KW)	Số lượng	Tổng công suất đặt (KW)
1	Máy nén khí	22,5	1	22,5
2	Máy chổi bàn	10,5	1	10,5
3	Máy nhám thùng 1m ³	35,5	1	35,5
4	Nhám thùng 6 tấn	50,5	1	50,5
5	Máy bào 2 mặt	25	2	50
6	Máy bào 4 mặt	40	2	80

Chủ dự án : Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TV Môi trường Tiến Vương

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

STT	Tên thiết bị	Công suất (KW)	Số lượng	Tổng công suất đặt (KW)
7	Máy rong lưỡi dưới	33	2	66
8	Máy rong lưỡi trên	9,5	1	9,5
9	Bàn cùm thủy lực	10	2	20
10	Hút bụi	37,5	1	37,5
11	Mộng dương 2 đầu CNC	12	1	12
12	Mộng âm CNC	30	2	60
13	Mộng dương 1 đầu	15	2	30
14	Máy cắt xe tăng	20	2	40
15	Máy cắt phay	7,5	1	7,5
16	Máy cắt cánh gà	9,5	2	19
17	Tupi 1 trục + tiếp liệu	25	2	50
18	Tupi 2 trục	30	2	60
19	CD 3	15	1	15
20	CD đứng	10	1	10
21	Máy bo tay	5,5	2	11
22	Mộng âm 1 đầu	3,75	1	3,75
23	Máy chà chốt tròn	3,75	1	3,75
24	Máy lộng	9	2	18
25	Máy bào cuốn	3,75	1	3,75
26	Máy khoan	25	3	75
27	Máy đục đứng	6	2	12
28	Máy chà nhám cong	4,5	1	4,5
29	Lò sấy	42,5	2	85
30	Lò hong	7,5	2	15
31	Máy nhám R	3,75	1	3,75
32	Máy cắt ngang	20	2	40
33	Máy mài lưỡi	7,5	2	15
34	Máy ghép dọc	3,75	1	3,75
35	Máy cắt Finger tự động	7,5	1	7,5
36	Máy ghép cào	10	1	10

4.2. 1 Nhu cầu sử dụng nước

a) Nhu cầu cấp nước sinh hoạt cho công nhân:

- Dựa vào hóa đơn tiền nước, ta thấy lượng nước tiêu thụ trung bình như bảng sau:

Bảng 1.11. Nhu cầu sử dụng nước của dự án

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

STT	KỶ	Thời Gian	Khối lượng nước tiêu thụ (m ³ /tháng)
1	06/2024	17/5/2024 - 25/6/2024	34
2	07/2024	25/6/2024 - 25/7/2024	41
3	08/2024	25/7/2024 - 25/8/2024	45
Trung bình tháng			40

(Nguồn : Công ty TNHH Trung Thanh)

- Lượng nước sinh hoạt: số lượng công nhân trong giai đoạn sản xuất dự kiến tối đa khoảng 40 người, áp dụng tiêu chuẩn dùng nước sinh hoạt của công nhân theo TCVN 33-2006 của Bộ Xây Dựng là 45 lít/người/ ca thì lượng nước sử dụng khoảng:

$$40 \text{ người} \times 45 \text{ lít/người/ca} = 1,8\text{m}^3/\text{ngày}$$

- *Nguồn cấp nước*: Sử dụng nguồn nước cấp hiện hữu tại Khu công nghiệp do Công ty Cổ phần cấp thoát nước Bình Định đầu tư và cung cấp để phục vụ nhu cầu sử dụng nước của Dự án.

- *Thoát nước*: Đối với lô B55 MR tự chảy tràn thấm thấu vào đất; đối với một phần lô B55 hiện trạng đã triển khai xây dựng cơ bản hoàn thiện hệ thống thu gom nước mặt và đã đấu nối vào hệ thống thoát nước KCN Phú Tài.

b) Nhu cầu sử dụng nước cho quá trình sản xuất:

+ Lượng nước cấp cho lò hơi: 10m³/ ngày

+ Nước sử dụng để xử lý khí thải: Lượng nước trong bể duy trì để xử lý khí thải chiếm 2/3 thể tích bể (khoảng 1,67m³), trong quá xử lý hàng ngày sẽ bổ sung lượng nước khoảng 0,5m³ bị hao hụt do quá trình bốc hơi để bể hoạt động ổn định và tăng hiệu quả hấp thụ khí thải của nước.

+ Nước dùng cho bồn phun sơn: Công ty dùng 1 thùng có kích thước 584x 876 mm (0,2 m³ / thùng), lượng nước chứa trong thùng khoảng 80% thể tích thùng. Như vậy, tổng lượng nước cần cung cấp khoảng: 0,2 x 1 x 80% = 0,16 m³

c) Nước cho cấp mục đích tưới cây

Theo bản vẽ Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất của dự án thì diện tích được quy hoạch làm đất cây xanh là

$$1.572,000 \text{ m}^2 \times 3 \text{ lít/m}^2/\text{ngày đêm} = 4,72 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

(theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia xây dựng thì chỉ tiêu cấp nước tối thiểu cho tưới vườn hoa, công viên là 3 lít/m²/ngày đêm).

d) Nước cấp dùng cho PCCC

Nước được sử dụng từ nguồn từ nguồn nước do Công ty cấp thoát nước Bình Định cấp, Doanh nghiệp sử dụng hệ thống ống nhựa D50 để cấp nước sinh hoạt và sử dụng ống HDPE D100 để cấp nước cho bể PCCC của nhà máy.

Công ty bố trí 1 bể nước ngầm chứa nước 450m³ và nhà đặt máy bơm có thể tích 16m² để phục vụ cho PCCC.

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư

Chủ dự án : Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TV Môi trường Tiến Vương

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

5.1. Các hạng mục công trình tại dự án

Bảng 1.12. Chỉ tiêu cơ cấu sử dụng đất của Dự án

STT	Loại Đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng công trình	4.518,50	57,67%
2	Đất cây xanh, thảm cỏ	1.572,00	20,06%
3	Đất sân bãi, đường giao thông nội bộ	1.744,70	22,27%
Tổng cộng		7.835,20	100%

• Các hạng mục công trình chính:

Xưởng sản xuất số 1 (1.200m²); Xưởng sản xuất số 2 (1.774,5m²); Xưởng sản xuất số 3 (780m²); Lò sấy (196m²); Mái che lò sấy (140m²); Khu vực lò hơi (49m²); Nhà Văn phòng+Căn tin>Showroom (175m²); Nhà xe (42m²); Nhà hút bụi (21m²); Nhà chứa CTR, CTNH (9m²); Nhà bảo vệ (12m²); Bể nước ngầm PCCC 450m³ (120m²) và Nhà đặt máy bơm (16m²).

5.2. Quy hoạch tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

Cơ cấu tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan của nhà máy được tổ chức như sau:

- Khu điều hành: Nhà văn phòng + showroom, nhà xe bố trí tại phía Đông mặt bằng, xung quanh được bao bọc bởi khu cây xanh cảnh quan.

- Khu sản xuất: Được bố trí tại vị trí trung tâm mặt bằng, bao gồm 03 nhà xưởng sản xuất chính.

- Khu phụ trợ: Được tổ chức xung quanh khu sản xuất theo dây chuyền công năng của nhà máy, đảm bảo thuận tiện trong công tác sản xuất.

- Khu cây xanh thảm cỏ: Bố trí xen kẽ với các khu chức năng của nhà máy nhằm cải thiện môi trường vi khí hậu, giảm thiểu tác động xấu trong quá trình hoạt động sản xuất ảnh hưởng đến các dự án lân cận, cũng như tạo cảnh quan trong mặt bằng nhà máy.

5.3. Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật:

❖ San nền:

Trên Dự án cao độ hiện trạng đã được san nền hoàn hiện, doanh nghiệp chỉ san gạt tạo độ dốc nhằm đảm bảo việc thoát nước mưa trong mặt bằng. San nền đã được chủ đầu tư KCN Phú Tài san nền hoàn thiện.

- Cao độ san nền cơ bản tuân thủ theo quy hoạch đã được phê duyệt.

- Cao độ nền xây dựng thấp nhất: + 16.50m; cao nhất: + 17.20m.

❖ Giao thông:

- Giao thông đối ngoại: Nhà máy đấu nối với Tuyến đường nội bộ số 23 KCN thông qua 01 cổng chính tại góc phía Bắc mặt bằng và 01 cổng phụ tại phía Đông mặt bằng đấu nối ra đường trung tâm KCN.

- Giao thông đối nội: Quy hoạch các tuyến đường giao thông nội bộ với kết cấu bê tông có chiều rộng tối thiểu 3m.

❖ Quy hoạch cấp điện:

Chủ dự án: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TV Môi trường Tiến Vương

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

- Chỉ tiêu cấp điện: Chỉ tiêu điện công nghiệp (sản xuất công nghiệp, kho tàng): Đối với các khu công nghiệp xây dựng mới, các chỉ tiêu quy định tại bảng 7.3 – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng năm 2021 như sau (QCVN 01-2021).

Bảng 1.13 Chỉ tiêu cấp điện cho sản xuất công nghiệp, kho tàng

STT	Loại công nghiệp	Chỉ tiêu KW/ha
1.	Công nghiệp nặng (luyện gang, luyện thép, sản xuất ô tô, sản xuất máy cái, hóa chất, phân bón), sản xuất xi măng	350
2.	Công nghiệp vật liệu xây dựng khác, cơ khí	250
3.	Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm, điện tử, vi tính, dệt	200
4.	Công nghiệp giày da, may mặc	160
5.	Cụm công nghiệp nhỏ, tiểu công nghiệp	140
6.	Các cơ sở sản xuất thủ công nghiệp	120
7.	Kho tàng	50

(Nguồn : Công ty TNHH Trung Thanh)

❖ **Hệ thống cấp nước:**

- Sử dụng nguồn nước do Công ty Cấp thoát nước Bình Định cung cấp, vị trí điểm đầu nối i tại phía Bắc Dự án.
- Hệ thống cấp nước sử dụng ống HDPE Ø100mm để cấp nước cho bể nước PCCC và sử dụng ống HDPE Ø50mm để cấp nước sinh hoạt.

❖ **Quy hoạch thoát nước mưa:**

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế riêng biệt với hệ thống thoát nước thải và theo nguyên tắc tự chảy. Nước mưa trong dự án được thu gom về các hố ga được dẫn bằng hệ thống mương hở có nắp đan kết hợp cống tròn bê tông ly tâm, sau đó đầu nối vào hồ ga thu gom nước mưa chung của KCN Phú Tài tại điểm M.
- Đối với khu vực cây xanh thấm có trong dự án được thoát theo hướng tự thấm và các dòng chảy tự nhiên.

❖ **Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:**

- Hệ thống thoát nước thải được thiết kế riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải phát sinh được thu gom đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Phú Tài tại điểm T.
- Hệ thống thoát nước thải sử dụng ống nhựa HDPE Ø200mm.
- Chất thải rắn được thu gom, phân loại, tập kết tại khu chứa chất thải rắn và ký hợp đồng với các đơn vị chức năng để xử lý theo quy định

5.4. Tiến độ thực hiện dự án

Giai đoạn 1: Trên phần diện tích 1.335,2 m²

+ Tháng 9/2016: Hoàn thành các thủ tục chuẩn bị đầu tư.

+ Tháng 10/2016 – 3/2017: San lấp mặt bằng, xây dựng công trình và đưa dự án đi vào hoạt động.

- Giai đoạn 2: Trên phần diện tích khoảng 6.500 m²

Chủ dự án : Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TV Môi trường Tiến Vương

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

+ Tháng 7/2023 - 12/2023: Hoàn thành các thủ tục đầu tư.

+ Tháng 01/2024 – 9/2024: Khởi công xây dựng các hạng mục, trang bị máy móc thiết bị và đi vào hoạt động."

5.5. Tổng vốn đầu tư dự án:

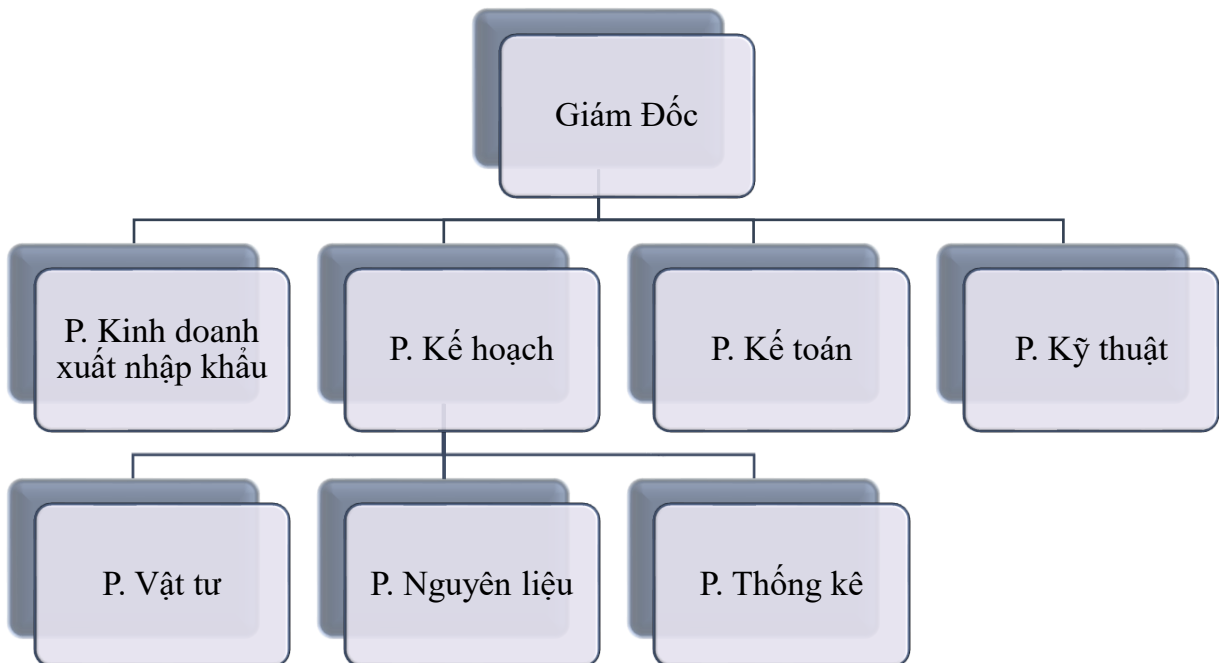
Tổng mức đầu tư xây dựng là 11.000.000.000 (Mười một tỷ) đồng. Trong đó:

+ Vốn góp để thực hiện Dự án là 2.500.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 23% tổng vốn đầu tư.

- Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh góp 2.500.000.000 đồng; bằng tiền mặt: chiếm tỷ lệ 100% vốn góp. Tiến độ góp vốn như sau:

+ Tháng 11/2016: góp 2.000.000.000 đồng

+ Tháng 9/2023: góp 500.000.000 đồng

5.6. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án:

Hình 1.4. Sơ đồ cơ cấu tổ chức nhân sự của dự án

Chủ dự án: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TV Môi trường Tiến Vương

Chương II**SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG****1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường**

- Mục tiêu, quy mô kết cấu hạ tầng kỹ thuật và các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được thực hiện phù hợp với Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022.

- Dự án “Mở rộng dây chuyên xưởng sản xuất đồ gỗ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa – Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh”- tại Lô B55, KCN Phú Tài, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định phù hợp với định hướng phát triển thu hút đầu tư và quy hoạch phân khu chức năng của KCN Phú Tài đã được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt.

- Theo Quyết định 1107/QĐ-UBND ngày 18/9/2014 của UBND tỉnh Bình Định về việc thành lập Khu công nghiệp Phú Tài, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định thì Dự án sản xuất đồ gỗ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa thuộc ngành nghề thu hút đầu tư của KCN Phú Tài.

- Căn cứ Quyết định số 2406/QĐ-UBND ngày 04/7/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Phú Tài thì dự án Mở rộng dây chuyên xưởng sản xuất đồ gỗ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa phù hợp với quy hoạch chung của KCN.

- Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 do Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh trình phê duyệt tại Tờ trình số 01/2024/TTr QH ngày 05/6/2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định.

- Ngoài ra, tỉnh Bình Định có nhiều chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư phát triển ngành nghề đa dạng, chủ trương phát triển mạnh các KCN Phú Tài và có những chính sách thu hút đầu tư cho các nhà đầu tư khi vào KCN. Dự án đã được sự hỗ trợ của KCN Phú Tài nói riêng và Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định nói chung.

Sự phù hợp của dự án với phân vùng môi trường: Công nghệ sản xuất của dự án là công nghệ sản xuất đơn giản, hệ thống xử lý bụi phun sơn được lắp đặt đồng bộ, xử lý đạt quy chuẩn môi trường hiện hành (có xét đến hệ số theo phân vùng môi trường xả khí thải của tỉnh Bình Định), nên việc triển khai dự án tại KCN Phú Tài là phù hợp theo phân vùng xả khí thải trên địa bàn tỉnh. Nước thải sinh hoạt từ dự án được thu gom, xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn, sau đó đầu nối vào HTXL nước thải chung của KCN Phú Tài, nước thải sản xuất từ quá trình xử lý bụi sơn sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom riêng, không xả trực tiếp ra môi trường nên không ảnh hưởng đến phân vùng tiếp nhận nước thải tại khu vực.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Dự án không thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo Phụ lục V đính kèm Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Dự án nằm trong KCN Phú Tài nên các vấn đề môi trường của dự án tuân thủ với quy định tại Khu công nghiệp.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

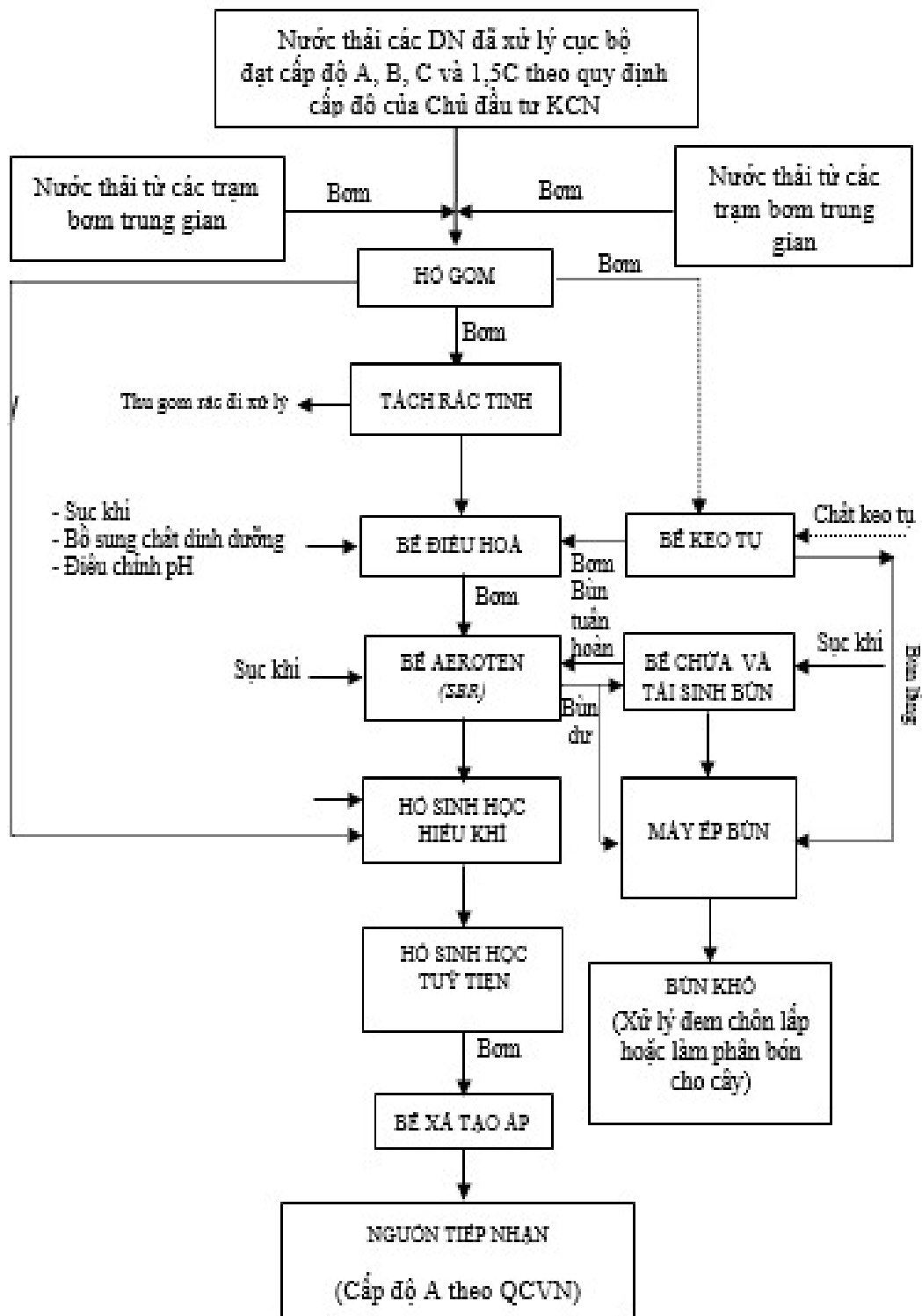
✚ Khả năng chịu tải của môi trường đối với nước thải và nước mưa:

Hệ thống thu gom và thoát nước mưa:

- KCN Phú Tài đã lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống thu gom nước mưa dọc theo các tuyến đường nội bộ của Khu công nghiệp và được tách riêng với nước thải.
- Hệ thống công thoát nước mưa được xây dựng tách riêng với hệ thống thoát nước thải, tỷ lệ xây dựng hoàn thành 100%.
- Hướng thoát nước thải ra sông Hà Thanh (cách cầu Diêu Trì 800m về phía Đông).
- Hệ thống thoát nước mưa sử dụng công bê tông cốt thép D800 – D1.200 đặt dọc theo vỉa hè các trục đường, thu và thoát nước mưa từ mặt đường, vỉa hè và các công trình.

Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

KCN xây dựng một Nhà máy xử lý nước thải tập trung với tổng công suất xử lý đạt 2.000m³/ngày đêm đủ khả năng tiếp nhận nước thải phát sinh từ các hoạt động của các doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghiệp với quy trình công nghệ của hệ thống XLNT như sau:



Hình 2.1. Sơ đồ quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải KCN Phú Tài
Thuyết minh quy trình công nghệ:

Nước thải từ mạng lưới thu gom trên toàn diện tích KCN Phú Tài và KCN Long Mỹ được đưa về hồ ga phân luồng chảy về hồ thu gom. Tại đây đặt 03 bơm chìm (lưu lượng 120 m³/h) để bơm nước lên, mỗi bơm đặt một role mức để kiểm soát mức nước

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

trong bể. Nước thải từ hố gom được bơm lên thiết bị tách rác tinh (độ rộng khe 3mm) và vào bể chứa (bể điều hòa). Tại bể chứa này một phần diện tích được sục khí nhẹ để bổ sung Oxy, điều chỉnh pH về giá trị thích hợp, bổ sung các chất dinh dưỡng và làm hạn chế quá trình lên men yếm khí cũng như đảm bảo nồng độ được phân bố đều trong toàn bể trước khi bơm lên bể xử lý chính SBR. Trường hợp nước thải đầu vào có nồng độ các chất bẩn quá cao, vượt quá nhiều lần so với giới hạn quy định thì được bơm vào bể keo tụ. Tại bể keo tụ sẽ đưa chất keo tụ vào để xử lý, sau khi keo tụ xong để lắng, phần nước trong được đưa vào bể điều hòa, phần bùn lắng dưới đáy bể được đưa đến máy ép bùn.

Từ bể điều hòa, nước thải được bơm vào bể xử lý sinh học SBR xử lý gián đoạn theo mẻ. Tại bể SBR sẽ được cung cấp một lượng oxy thích hợp bằng các máy thổi khí. Tại đây sẽ diễn ra quá trình làm sạch nước thải, các chất bẩn hữu cơ trong nước thải sẽ được các vi sinh vật hiếu khí chuyển hoá thành các chất vô cơ (CO_2 , H_2O) vô hại. Trong quá trình phân huỷ các chất hữu cơ, một lượng bùn hoạt tính được tạo ra trong nước thải. Sau thời gian đủ để phân huỷ hầu hết các chất bẩn hữu cơ (nồng độ COD và BOD_5 đạt Quy chuẩn cho phép), khi đó sẽ ngừng sục khí và để nước thải lắng tại bể SBR (lắng tĩnh). Chu trình làm việc của bể SBR gồm 5 bước: Bơm nước thải vào bể: 1h; sục khí: 4h; để lắng (ngừng cấp khí): 2h; xả phần nước trong ra: 1h; Tháo một phần bùn dư vừa tạo thành (Tùy theo mức độ tạo bùn để xác định thời gian bơm xả).

Sau thời gian lắng, phần nước trong sẽ chảy sang hồ làm thoáng nhân tạo, tại đây các chất ô nhiễm còn lại như BOD, COD, SS, N-NH_3 tiếp tục được xử lý theo 2 quá trình yếm khí và hiếu khí. Nước thải từ hồ này đã đạt chất lượng nước thải loại A theo QCVN và tiếp tục đi sang hồ đối chứng để kiểm tra trước khi xả thải ra môi trường. Một phần bùn lắng (bùn hoạt tính) tại bể SBR được đưa vào bể chứa và tái sinh bùn nhằm phục hồi khả năng hoạt tính của bùn để tuần hoàn trở lại cho bể SBR khi có nhu cầu. Phần bùn dư sẽ được bơm sang máy ép bùn để xử lý, lượng bùn khô ép xong sẽ thêm các chất phụ gia làm phân bón cho cây.

Nước sau xử lý sẽ đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với $K_q = 0,9$ và $K_f = 01$ sau đó sẽ được thải ra khu vực 9, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn. Giá trị giới hạn các thông số và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải của KCN Phú Tài, Long Mỹ như sau (ban hành kèm theo Quyết định số 404/QĐ-ĐTĐ ngày 13/4/2012 của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Định).

✦ Khả năng chịu tải của môi trường đối bụi và khí thải, tiếng ồn:

Hoạt động thi công mở rộng nhà xưởng và khi đi vào vận hành các nguồn phát sinh bụi và khí thải từ hoạt động giao thông, vận chuyển nhập nguyên liệu, bụi và khí thải từ Chủ dự án: “Mở rộng dây chuyên xưởng sản xuất đồ gỗ xuất khẩu và tiêu thụ nội

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường**Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ**

địa” từ hoạt động sản xuất” góp phần làm gia tăng hàm lượng bụi, khí thải, tiếng ồn trong môi trường không khí của KCN.

✚ Khả năng chịu tải của môi trường đối với chất thải rắn:

Hoạt động thi công mở rộng nhà xưởng và khi đi vào vận hành phát sinh chất thải sinh hoạt từ quá trình sinh hoạt của công nhân viên; chất thải nguy hại, cặn dầu nhớt thải, bóng đèn huỳnh quang hỏng, hộp mực in; chất thải công nghiệp thông thường như các sản phẩm lỗi... CTR được tập kết vào các thùng rác theo đúng mã màu quy định, chứa đựng đủ lượng rác thải phát sinh.

✚ Số lượng CBCNV hiện tại: 40 người.

- Thời gian làm việc: 02 ca/ngày, 08 giờ/ca.

- Trong khoảng thời gian hoạt động trước đây, dự án đã thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các công tác bảo vệ môi trường, thực hiện tương đối đầy đủ công tác quản lý, lưu chứa tạm thời và chuyển giao chất thải phát sinh đúng quy định.

Chương III**HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ****3.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật:**

Khu vực dự án tiếp giáp phía Đông là Công ty TNHH Granite An Nhơn đang hoạt động. Tham khảo kết quả phân tích môi trường hiện trạng tại KCN Phú Tài và kết quả phân tích chất lượng môi trường hiện trạng tại khu vực dự án do Chủ dự án phối hợp với đơn vị chức năng thực hiện, cho thấy chất lượng môi trường hiện trạng tại KCN Phú Tài hiện chưa có dấu hiệu ô nhiễm.

Vị trí triển khai thực hiện Dự án thuê nhà xưởng và các công trình hạng mục hiện trạng Công ty Trung Thanh, KCN Phú Tài, Tp Quy Nhơn hoạt động sản xuất công nghiệp nên khu vực này hoàn toàn không có động – thực vật quý hiếm cần bảo vệ. Các loài động vật tại khu vực chỉ có các loại côn trùng, bò sát nhỏ, động vật gặm nhấm. Do đặc điểm điều kiện tự nhiên nên tài nguyên sinh vật nơi đây tương đối nghèo, không phong phú. Nên việc đầu tư hoạt động dự án này của Công ty TNHH Trung Thanh không gây ra tác động đến tài nguyên sinh học hiện có tại khu vực dự án.

3.2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án

Nước thải của dự án Nhà máy sẽ được xử lý bằng hệ thống bể tự hoại và xử lý đúng theo hồ sơ môi trường đã được Ban quản lý Khu kinh tế phê duyệt sau đó thu gom bằng ống nhựa HDPE 200, đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN tại điểm T.

3.3. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường không khí nơi thực hiện dự án

Để đánh giá hiện trạng môi trường không khí của Dự án, Công ty đã thuê đơn vị có chức năng là Trung tâm quan trắc Tài nguyên và môi trường (địa chỉ: 174 Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Bình Định) đo đạc và phân tích chất lượng môi trường không khí tại khu vực dự án.

- Số lần và thời gian lấy mẫu: 6 lần, vào ngày 29/7/2024.

+ Đợt 1: 1523317; 596362 (7h30)

+ Đợt 2: 1523315; 596400 (8h30)

+ Đợt 3: 1523317; 596362 (10h40)

+ Đợt 4: 1523315; 596400 (11h30)

+ Đợt 5: 1523317; 596362 (14h30)

+ Đợt 6: 1523315; 596400 (15h20)

- Điều kiện thời tiết khi thực hiện đo kiểm, lấy mẫu: Trời nắng, có gió.

- Vị trí lấy mẫu: Bên trong khu đất dự án, (tọa độ: 1523315; 596400);

(Tọa độ 1523317; 596362).

- Bảng tổng hợp kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí dự án:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

Bảng 3.1. Vị trí lấy mẫu không khí xung

STT	Kí hiệu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ vị trí lấy mẫu(X-Y)
1	KK1	Vị trí phân xưởng hiện trạng	1523317; 596362
2	KK2	Vị trí phân xưởng mở rộng	1523315; 596400
3	KK3	Vị trí phân xưởng hiện trạng	1523317; 596362
4	KK4	Vị trí phân xưởng mở rộng	1523315; 596400
5	KK5	Vị trí phân xưởng hiện trạng	1523317; 596362
6	KK6	Vị trí phân xưởng mở rộng	1523315; 596400

**Hình 3.1. Vị trí khu đất lấy mẫu không khí của Dự án trên bản đồ vệ tinh Google Earth**

Các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án như môi trường không khí, nước.

Bảng 3.2. Kết quả quan trắc không khí xung quanh của KCN, năm 2024

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

STT	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả						QCVN
			KK1 (7h30)	KK2 (8h30)	KK3 (10h30)	KK4 (11h30)	KK5 (14h30)	KK6 (15h20)	
1	Tiếng ồn	dBA	64,2	63,8	65,3	64,1	65,3	62,8	TCVN7878-2:2010
2	Tổng bụi lơ lửng	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	109	98	115	105	121	93	TCVN 5067:1995
3	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	59	55	61	58	62	57	TCVN 5971:1995
4	CO	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	<5600	<5600	<5600	<5600	<5600	<5600	HDPTK-02.4
5	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	25	22	27	24	28	23	TCVN 6137-2009

(Nguồn: Trung tâm kỹ thuật quan trắc môi trường Quy Nhơn)

Nhận xét: Kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh của KCN Phú Tài năm 2024 cho thấy chất lượng không khí xung quanh của KCN khá tốt. Tất cả các thông số quan trắc đều dưới quy chuẩn môi trường hiện hành.

Ghi chú:

- Các giới hạn áp dụng so sánh theo QCVN 26: 2010/ BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- Các giới hạn áp dụng so sánh theo QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

Nhận xét:

Theo phiếu kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí tại dự án cho thấy nồng độ các thông số so với Quy chuẩn Việt Nam QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn đều nằm trong giới hạn cho phép.

Kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh của KCN Phú Tài năm 2024 cho thấy chất lượng không khí xung quanh của KCN khá tốt. Tất cả các thông số quan trắc đều dưới quy chuẩn môi trường hiện hành.

Chương IV
ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ
4.1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án
+ Nước thải từ quá trình thi công xây dựng

Công tác xử lý nước thải xây dựng sẽ do các đơn vị thi công thực hiện. Chủ dự án sẽ quán triệt đơn vị thi công thực hiện các biện pháp sau:

Nước thải xây dựng: Công tác xử lý nước thải xây dựng sẽ do các đơn vị thi công thực hiện.

+ Sử dụng tiết kiệm có hiệu quả lượng nước tưới, trộn vữa, rửa vật liệu.

+ Bố trí các khu vực: rửa vật liệu, dụng cụ thi công, trộn bê tông gần hố gas của hệ thống thu gom nước để lắng cặn, thu gom nước thải xây dựng, sau đó dẫn thải ra mương thoát nước mưa của KCN.

+ Nước thải rửa bánh xe được dẫn theo mương thoát nước mưa đến lắng hố ga thải ra mương thoát nước mưa của KCN.

Trong quá trình triển khai, Chủ dự án sẽ thường xuyên theo dõi, nhắc nhở đơn vị thi công thực hiện đúng với quy định.

+ Nước thải sinh hoạt công nhân

Lượng nước thải được tính bằng 80% lượng nước cấp (Theo QCVN 01:2021/BXD). Với số lượng công nhân thi công thường xuyên có mặt trên công trường khoảng 40 người.

$$40 \text{ người} \times 45 \text{ lít/người.ngày} \times 80\% = 1,44 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

Loại nước thải này có chứa các chất cặn bã, chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ, dinh dưỡng và vi trùng cao. Nếu không xử lý trước khi thải ra môi trường thì đây sẽ là nguồn gây ô nhiễm môi trường đất, chất lượng nước mặt, nước dưới đất tại khu vực. Do đó, Chủ đầu tư sẽ có những biện pháp thu gom, xử lý hợp vệ sinh.

Dựa vào hệ số ô nhiễm do Tổ chức Y tế Thế giới thiết lập, tính toán tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm thải vào môi trường hàng ngày được đưa ra trong bảng sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

Bảng 4.1 Nồng độ các chất ô nhiễm trong NTSH trong giai đoạn thi công

STT	Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (g/người/ngày) (theo WHO)	Tải lượng ô nhiễm (kg/ngày)	Nồng độ các chất ô nhiễm (mg/l)	QCVN 14:2008/ BTNMT (cột B) (mg/l)
1	BOD ₅	45 - 54	1,4 – 1,6	1.250 – 1.500	60
2	SS	70 - 145	2,1 – 4,4	1.944 – 4.028	120
3	Dầu mỡ	10 - 30	0,3 – 0,9	278 – 833	24
4	NO ₃ ⁻	6 - 12	0,18 – 0,36	167 – 333	60
5	PO ₄ ³⁻	0,8 - 4,0	0,02 – 0,12	22 – 111	12

(Nguồn: Rapid Pollution Assessment, WHO, Geneva, 1993)

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.
- Tải lượng các chất ô nhiễm (kg/ngày) = (Hệ số ô nhiễm x Số công nhân là 40 người)/1000.
- Nồng độ các chất ô nhiễm (mg/l) = (Tải lượng các chất ô nhiễm x 1000)/lưu lượng là 1,44 m³/ngày.

☒ Nước mưa chảy tràn

- Che chắn nguyên vật liệu xây dựng (đối với các loại vật liệu thô) tránh bị nước mưa cuốn trôi trong quá trình thi công các hạng mục công trình cơ bản của dự án.
- Vào đầu mùa mưa, yêu cầu nhà thầu tập kết VLXD đảm bảo vị trí phù hợp, thu gom rác thải, vật liệu thừa đất đảm bảo mương thoát nước luôn trong tình trạng thoát nước tốt.

4.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại**☒ Chất thải rắn sinh hoạt**

- Biện pháp do Chủ dự án thực hiện: Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom CTR sinh hoạt định kỳ.

Chất thải rắn do quá trình sinh hoạt của công nhân thải ra như thức ăn thừa, bao bì nylon,... Theo phương pháp đánh giá nhanh của Tổ chức Y tế thế giới, hệ số phát thải các chất thải rắn do hoạt động của một người là 250 kg/người/năm. Từ đó có thể dự đoán lượng chất thải rắn sinh hoạt của 40 công nhân phát sinh trung bình trong quá trình xây dựng như sau:

$$40 \times 250/365 = 27,4 \text{ kg/ngày} = 0,027 \text{ tấn/ngày}$$

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

- Biện pháp do đơn vị thi công thực hiện: Trang bị 02 thùng rác màu xanh HDPE dung tích 120 lít tại khu vực nghỉ giải lao, ăn trưa tại công trường để thu gom rác thải sinh hoạt. Bố trí công nhân thu gom rác thải sinh hoạt hằng ngày. Ngoài ra, giáo dục công nhân, nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, không vứt rác bừa bãi.

+ **Chất thải rắn xây dựng**

Chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình thi công bao gồm: gạch vỡ, ống nhựa, sắt thép vụn, bao bì, gỗ cốp pha phế thải,... Đa số các loại chất thải này đều được thu gom và phân loại, một phần được bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu, một phần được thu gom và hợp đồng vận chuyển xử lý theo quy định.

+ *Biện pháp do Chủ dự án thực hiện:* Yêu cầu đơn vị thi công thực hiện phân loại chất thải rắn xây dựng để có biện pháp xử lý thích hợp, cụ thể như: Sắt thép vụn, bao bì xi măng được thu gom để bán phế liệu. Những chất thải còn lại không tận dụng được sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý.

- *Biện pháp do đơn vị thi công thực hiện:* Bố trí công nhân thu gom rác thải xây dựng hằng ngày tập kết về khu vực quy định tại công trường. Đồng thời, thường xuyên theo dõi, nhắc nhở công nhân có ý thức tiết kiệm, không sử dụng vật liệu, vật tư xây dựng một cách lãng phí làm gia tăng lượng rác thải.

+ **Chất thải nguy hại**

- Chủ dự án sẽ đưa vào hợp đồng thầu khoán để ràng buộc đơn vị thi công thực hiện. Trong đó, chủ dự án yêu cầu đơn vị thi công tổ chức thu gom riêng các CTNH phát sinh trên công trường chứa trong các vật dụng phù hợp, cụ thể:

- Bố trí thùng chứa CTNH có nắp đậy với dung tích 27 lít đến 120 lít tại khu vực dự án.

- Dầu mỡ thải: thu gom vào can nhựa có nắp đậy, có ký hiệu nhận biết CTNH.

- Các CTNH ở dạng rắn như giẻ lau, phụ tùng hư hỏng dính dầu mỡ... sẽ thu gom vào các túi nilông buộc kín miệng cho từng loại CTNH. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị thu gom CTNH có chức năng đến vận chuyển đi xử lý theo quy định Thông tư 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về việc quản lý CTNH hoặc có thể đưa về nhà chứa CTNH của dự án lưu chứa và xử lý trong giai đoạn vận hành của Nhà máy vì khối lượng CTNH phát sinh giai đoạn xây dựng ít. Việc lưu chứa CTNH nếu quá 01 năm thì Chủ dự án sẽ thực hiện báo cáo với đơn vị chức năng theo quy định..

4.3. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

❖ **Giảm thiểu bụi do quá trình lưu giữ, bốc dỡ và phối trộn vật liệu xây dựng**

- Ban hành nội quy và dán tại công trường để công nhân biết và thực hiện.

- Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân như khẩu trang, mũ, giày, găng tay cho công nhân xây dựng để hạn chế đến mức thấp nhất các ảnh hưởng của bụi xây dựng.

- Lập phương án thi công, tiến độ thi công và kế hoạch nhập vật liệu xây dựng về Nhà máy, vận chuyển theo tuyến đường Quốc lộ 1A đến đường trục KCN Phú Tài rồi vào Dự án

Chủ dự án: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TV Môi trường Tiến Vương

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

- Nhà thầu đã trình kế hoạch thi công và cung cấp vật tư được chủ đầu tư xác nhận, theo dõi, hạn chế việc cung cấp vật tư vào cùng một thời điểm, làm cản trở quá trình thi công.

- Các loại nguyên liệu như xi măng đều được che chắn hoặc lưu chứa trong lán trại đảm bảo nhằm tránh sự phát tán bụi, phun tưới ẩm đối với các vật liệu như gạch, đá,...

- Đồng thời phun nước tưới ẩm vào những ngày thời tiết khô hanh để hạn chế phát tán bụi và giảm thiểu bức xạ nhiệt tại công trường.

- Sử dụng đúng loại nhiên liệu đảm bảo chất lượng.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì máy móc, thiết bị và đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật trước khi đưa vào thi công tại công trường.

- Trang bị các phương tiện bảo hộ cho công nhân khi làm việc trên công trường.

✚ Giảm thiểu ô nhiễm do quá trình vận chuyển

- Tất cả các phương tiện đạt tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động phục vụ cho công tác triển khai thực hiện dự án.

- Các phương tiện vận chuyển đất và vật liệu xây dựng được phủ bạt, thùng xe kín tránh để rơi vãi đất cát, gạch, bụi xi măng ra đường, gây ô nhiễm bụi và ảnh hưởng đến cuộc sống của dân cư trên tuyến đường vận chuyển; chở đúng tải trọng cho phép và đúng tốc độ quy định, tuân thủ an toàn giao thông đường bộ và vệ sinh môi trường.

- Phân bố mật độ xe chuyên chở nguyên vật liệu ra vào phù hợp, tránh ùn tắc gây ô nhiễm khói bụi cho khu vực.

- Vệ sinh các xe vận chuyển vật liệu xây dựng sạch sẽ trước khi ra khỏi công trường.

- Giảm tốc độ các phương tiện khi ra vào khu vực dự án (vận tốc đề nghị đối với các phương tiện giao thông là $\leq 5\text{km/h}$).

✚ Giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí thải trong quá trình thi công xây dựng

- Che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và có biện pháp cách ly để không ảnh hưởng đến toàn khu vực. Đối với các vật liệu, nhiên liệu như xi măng, sắt thép, dầu nhớt,... bảo quản trong kho cẩn thận nhằm tránh tác động của mưa nắng và gió gây hư hỏng và giảm thiểu khả năng phát tán bụi cũng như các chất ô nhiễm khác ra môi trường.

- Phun nước thường xuyên trên công trường xây dựng, đặc biệt là vào mùa khô để hạn chế bụi từ các xe chuyên chở nguyên vật liệu trong quá trình vận chuyển. Vào mùa khô, những ngày nắng nóng có thể tiến hành phun nước với tần suất 2 giờ/lần;

Chủ đầu tư cũng sẽ yêu cầu nhà thầu có kế hoạch thi công và cung cấp vật tư thích hợp, hạn chế việc cung cấp vật tư vào cùng một thời điểm, làm cản trở quá trình thi công.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân như mũ bảo hộ, quần áo, giày, bao tay, khẩu trang, ...;

Chủ dự án: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TV Môi trường Tiến Vương

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

- Lập phương án phòng chống thiên tai, phương án bảo vệ công trình đối với các công trình đang thi công theo quy định của Luật Phòng chống thiên tai.

+ Giảm thiểu ô nhiễm mùi

- Tập kết, thu gom và vận chuyển các loại rác thải sinh hoạt xử lý theo quy định.
- Không đốt vật liệu hay chất thải tại khu vực dự án.
- Bố trí các thùng chứa rác có nắp đậy để thu gom chất thải rắn để tránh phát sinh mùi hôi.

- Nghiêm cấm trường hợp các công nhân vứt rác sinh hoạt bừa bãi gây ô nhiễm môi trường tại khu vực dự án.

4.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Việc giảm thiểu tác động của tiếng ồn trong quá trình xây dựng sẽ do các đơn vị thi công thực hiện. Chủ dự án sẽ quán triệt đơn vị thi công thực hiện các biện pháp sau:

- Bố trí thời gian hoạt động của các phương tiện thi công một cách phù hợp, không gây ồn vào giờ ăn, giờ nghỉ của công nhân.

- Các phương tiện, máy móc, thiết bị thi công thường xuyên được kiểm tra bảo dưỡng hạn chế những ảnh hưởng về tiếng ồn tới môi trường. Không sử dụng máy móc thi công đã quá cũ.

- Thường xuyên bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các phương tiện giao thông, đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định và luôn đảm bảo máy móc hoạt động tốt.

- Ngoài ra, Chủ đầu tư còn theo dõi sát tiến độ thi công và yêu cầu các nhà thầu đảm bảo đúng tiến độ thi công.

4.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

❖ Biện pháp giảm thiểu tác động đến tình hình giao thông

- Các phương tiện vận chuyển đưa vào sử dụng đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng Kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường;

- Tất cả các máy móc và xe hoạt động trong công trường cần tuân thủ các quy định tốc độ là 5 km/giờ trong các khu vực xây dựng.

- Phân bố thời gian vận chuyển hợp lý, tránh vào những thời gian cao điểm tại khu vực đến tránh ùn tắc giao thông;

- Yêu cầu các lái xe phải giảm tốc độ khi qua khu vực có dân cư sinh sống;

- Tiến hành sửa chữa, gia cố ngay những vị trí tuyến đường bị hư hỏng do phương tiện vận chuyển của dự án gây ra.

+ Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nhiệt

- Trang bị bảo hộ cho công nhân khi làm việc ngoài trời như mũ, khẩu trang,...;

- Thường xuyên phun nước làm ẩm bề mặt thi công vào mùa khô (tần suất 2 ÷ 4 lần/ngày (tùy thuộc vào thời tiết) và vào đầu mỗi ca làm việc, như vậy vừa hạn chế bụi bay, vừa giảm được bức xạ nhiệt.

- Thông báo cho công nhân về các nguy cơ rối loạn do nóng và cách đối phó.

- Thực hiện luân phiên công việc hoặc lồng ghép các ca làm việc, với các chế độ phụ cấp nghỉ chống nắng thoả đáng.

Chủ dự án: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TV Môi trường Tiến Vương

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

✚ Giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội

- Xây dựng, ban hành các nội quy làm việc tại công trường và yêu cầu công nhân tuân thủ gồm: nội quy quy định về hoạt động ra, vào công trường; quy định về trang phục bảo hộ lao động; quy định về an toàn vận hành máy móc, thiết bị thi công; an toàn trong phòng chống cháy nổ, sử dụng điện và tham gia giao thông.
- Ưu tiên sử dụng công nhân xây dựng tại địa phương đáp ứng được yêu cầu của nhà thầu vào làm việc tại khu dự án để hạn chế tập trung công nhân từ nơi khác đến.
- Áp dụng công tác tuyên truyền, quản lý công nhân chặt chẽ. Giải quyết triệt để mâu thuẫn giữa công nhân với cộng đồng dân cư địa phương.
- Bố trí bảo vệ túc trực thường xuyên để tránh tình trạng trộm cắp, ngăn chặn kịp thời những mâu thuẫn nảy sinh giữa công nhân với nhau.
- Tuyệt đối không để xảy ra tình trạng cờ bạc, nghiện hút trong đội ngũ công nhân.
- Có lực lượng bảo vệ công trường, không cho người không phận sự ra vào công trường.

✚ An toàn lao động và phòng chống sự cố cháy nổ

- Sử dụng lao động đúng ngành nghề và trình độ được đào tạo;
- Đảm bảo an toàn cho người và thiết bị thi công xây dựng không xảy ra tai nạn;
- Thường xuyên giáo dục, nhắc nhở nâng cao ý thức an toàn lao động cho công nhân;
- Các dây dẫn điện trong công trường và của các thiết bị điện phải được bọc kín bằng vật liệu cách điện hoặc đặt ở độ cao an toàn và thuận tiện cho việc thao tác;
- Bố trí thời gian và tiến độ thi công thích hợp với điều kiện khí hậu và thời tiết địa phương để tránh những sự cố đối với công trình như chập điện, đổ vỡ công trình,...
- Thiết kế chiếu sáng cho những nơi làm việc ban đêm và khu vực cần bảo vệ;
- Các máy móc, thiết bị thi công có lý lịch kèm theo và được kiểm tra, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật trước khi sử dụng;
- Cấm vận chuyển vật liệu trên miệng hố móng khi đang có người làm việc ở dưới hố nếu không có biện pháp đảm bảo an toàn;
- Khi thực hiện lắp đặt, bóc dỡ các thiết bị đảm bảo điều kiện kỹ thuật;
- Phổ biến và đảm bảo thực hiện nghiêm túc các quy định các biện pháp phòng chống cháy nổ, chập điện khi thi công cho công nhân;
- Chuẩn bị sẵn các vòi nước xả rửa khi có sự cố, tủ thuốc;
- Trang bị bình chữa cháy cho công trường thi công.

✚ Biện pháp phòng ngừa sự cố do thiên tai

- Trong những ngày mưa lớn hoặc bão không tiến hành xây dựng mà cho công nhân ngừng thi công.
- Theo dõi giám sát diễn biến thời tiết vào mùa mưa để có kế hoạch ứng phó phù hợp.

Chủ dự án: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TV Môi trường Tiến Vương

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

- Phối hợp với chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan có kế hoạch ứng phó và khắc phục kịp thời.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát toàn bộ công trình xây dựng để phát hiện những khu vực dễ bị đổ ngã, sạt lở, kịp thời khắc phục, chèn chống, đồng thời đặt biển báo, báo hiệu nguy hiểm, không cho người đến gần.

2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

2.1. Về công trình, thu gom xử lý nước thải

a) Nước thải sinh hoạt

Trong giai đoạn này, số lượng công nhân làm việc tại Nhà máy khoảng 40 người. Lượng nước thải được tính bằng 80% lượng nước cấp (Theo QCXDVN 01:2021/BXD), vì vậy lượng nước thải sinh hoạt là:

$$1,8 \times 80\% = 1,44\text{m}^3/\text{ngày}$$

- Tổng lượng nước cấp cho sinh hoạt và nước nhà vệ sinh trung bình là 1,6m³/ngày. Như vậy lượng nước thải sinh hoạt được tính 100% lượng nước cấp khi dự án hoạt động khoảng 1,44 m³/ngày.

- Loại nước thải này có chứa các chất cặn bã, chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ, chất hữu cơ, dinh dưỡng và vi trùng cao.

Dựa vào hệ số ô nhiễm do Tổ chức Y tế Thế giới thiết lập, tính toán tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm thải vào môi trường hàng ngày được đưa ra trong bảng sau:

Bảng 4.2. Nồng độ các chất ô nhiễm thải trong NTSH trong giai đoạn vận hành

STT	Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (g/người/ngày) (theo WHO)	Tải lượng ô nhiễm (kg/ngày)	Nồng độ các chất ô nhiễm (mg/l)	QCVN 14:2008/ BTNMT (cột B) (mg/l)
1	BOD ₅	45 - 54	1,3 – 1,5	1.250 – 1.500	60
2	SS	70 - 145	2,0 – 4,1	1.944 – 4.028	120
3	Dầu mỡ	10 - 30	0,3 – 0,8	278 – 833	24
4	NO ₃ ⁻	6 - 12	0,1 – 0,34	167 – 333	60
5	PO ₄ ³⁻	0,8 - 4,0	0,02 – 0,11	22 – 111	12

(Nguồn: Theo WHO)

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Tải lượng các chất ô nhiễm (kg/ngày) = (Hệ số ô nhiễm x Số công nhân là 100 người)/1000.

Chủ dự án: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TV Môi trường Tiến Vương

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

- Nồng độ các chất ô nhiễm (mg/l) = (Tải lượng các chất ô nhiễm x 1000)/lưu lượng là 1,44m³/ngày.

- Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom vào bể tự hoại 3 ngăn chống thấm để xử lý sơ bộ, sau đó tự chảy theo đường ống HDPE D200 dẫn về bể xử lý nước thải tập trung của nhà máy có thể tích 7m³. Tọa độ hố ga đầu nối nước thải (theo hệ tọa độ VN2000): X = 1.523261; Y = 596.347) để lắng lọc trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của KCN.

- Nước thải nhà văn phòng, căn tin, Showroom được thu gom bằng đường ống HDPE D200 qua hố ga lắng cặn và tách rác sau đó dẫn về bể xử lý nước thải tập trung của KCN.

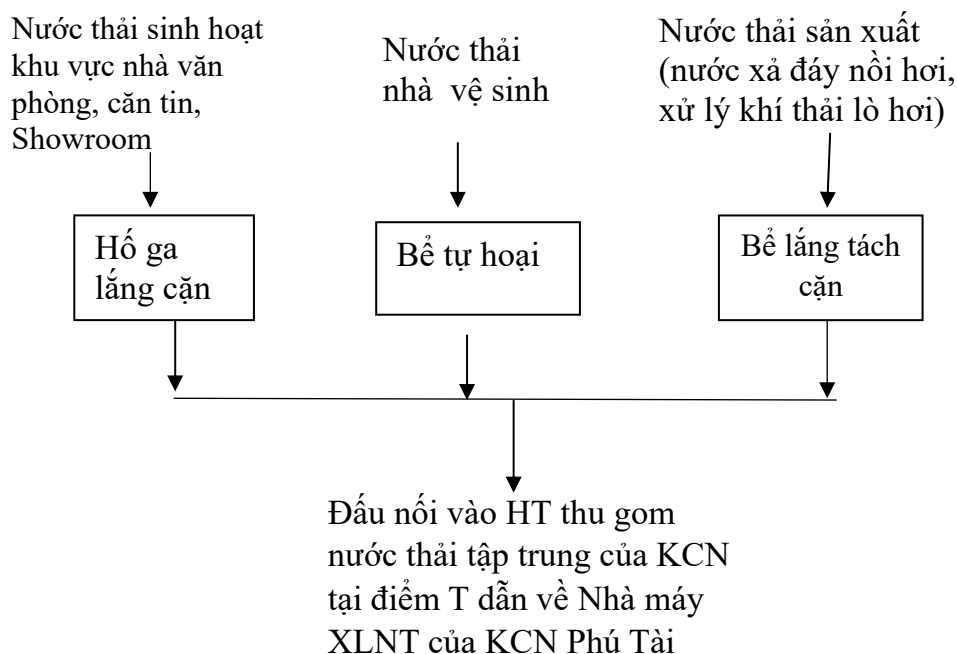
b) Nước thải sản xuất:

+ Lượng nước cấp cho lò hơi: 10m³/ ngày

+ Nước sử dụng để xử lý khí thải: Lượng nước trong bể duy trì để xử lý khí thải chiếm 2/3 thể tích bể (khoảng 1,67m³), trong quá xử lý hàng ngày sẽ bổ sung lượng nước khoảng 0,5m³ bị hao hụt do quá trình bốc hơi để bể hoạt động ổn định và tăng hiệu quả hấp thụ khí thải của nước.

+ Nước dùng cho bồn phun sơn: Công ty dùng 1 thùng có kích thước 584x 876 mm (0,2 m³ / thùng), lượng nước chứa trong thùng khoảng 80% thể tích thùng. Như vậy, tổng lượng nước cần cung cấp khoảng: 0,2 x 1 x 80% = 0,16m³

* Sơ đồ thu gom, thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất tại nhà máy:



Hình 4.1. Sơ đồ mạng lưới thu gom, thoát nước thải tại nhà máy

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

Toàn bộ nước thải tại bể xử lý nước thải tập trung được dẫn bằng đường ống HDPE D200 đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Phú Tài tại điểm T nằm trên vỉa hè đường số 23 KCN để dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung KCN Phú Tài.

* Công ty đã ký hợp đồng với Ban Quản lý dự án và GPMB KKT để xử lý nước thải sinh hoạt tại số 15/2008/HĐ – XLNT ngày 10/12/2018.

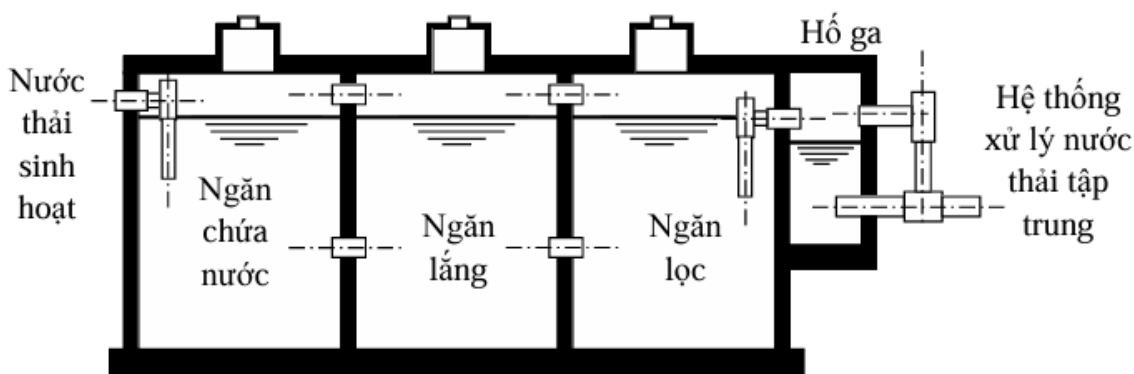
- Nước thải sản xuất phát sinh tại nhà máy bao gồm: nước xả đáy nồi hơi (chủ yếu là cặn lơ lửng, mức độ ô nhiễm không đáng kể), nước thải xử lý khí thải lò hơi (chứa các chất lơ lửng, độ đục, độ màu cao, chất hòa tan,...) được thu gom bằng ống nhựa HDPE 200mm dẫn về bể xử lý nước thải tập trung của nhà máy có thể tích 7m³.

- Nước thải sinh hoạt khu vực nhà văn phòng, căn tin, showroom được xử lý sơ bộ bằng hố ga lắng cặn được thu gom bằng ống nhựa HDPE 200mm dẫn về bể xử lý nước thải tập trung của KCN Phú Tài.

Bảng 4.3 Tổng hợp hệ thống thu gom, thoát nước thải của dự án

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Ống nhựa HDPE 200mm (Dẫn nước thải từ khu vực lò hơi về bể xử lý nước thải)	m	120
2	Ống nhựa HDPE 200mm (Dẫn nước thải sinh hoạt từ các công trình đầu nối vào hố ga thu gom của KCN)	m	600
3	Hố ga thu gom nước thải (600x600)	cái	17
4	Hố ga đầu nối nước thải vào KCN	cái	01

✚ Công trình, thiết bị xử lý nước thải



Hình 4.2. Sơ đồ bể tự hoại 3 ngăn

➤ Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại:

- Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn. Nước thải vào bể tự hoại 3 ngăn đầu tiên sẽ qua ngăn lắng và phân hủy cặn. Tại ngăn này, các cặn rắn được giữ lại và phân hủy một phần với hiệu suất khoảng 20% dưới tác dụng của

Chủ dự án: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TV Môi trường Tiến Vương

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

vi sinh vật kỵ khí. Sau đó, nước qua ngăn chứa nước. Tại đây, các thành phần hữu cơ có trong nước thải tiếp tục bị phân hủy dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí.

- Sau ngăn lắng cặn, nước được đưa qua ngăn lọc với vật liệu lọc bao gồm sỏi, than, cát được bố trí từ dưới lên trên nhằm tách các chất rắn lơ lửng có trong nước thải. Bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy. Sau bể tự hoại, hàm lượng chất hữu cơ (BOD, COD) và dinh dưỡng (nitơ, phospho) giảm khoảng 60%; dầu mỡ động thực vật giảm khoảng 80%; chất rắn lơ lửng giảm khoảng 90%. Sau khi qua bể tự hoại thì hàm lượng các chất ô nhiễm BOD5, COD và SS giảm đáng kể. Sau đó, nước chảy sang ngăn thứ ba và đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án có công suất 125 m³/ngày đêm.

❖ Công trình xử lý nước thải tập trung

- Nước thải nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại được thu gom bằng ống nhựa HDPE 200mm dẫn nước thải tập trung của KCN về Nhà máy XLNT của KCN Phú Tài

Bảng 4.4. Thông số kỹ thuật công trình thu gom, xử lý nước thải

TT	Tên công trình, thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Bể tự hoại	Dung tích bể tự hoại: 7 m ³ /bể (03m ³ /ngăn). Có 3 ngăn: ngăn chứa, ngăn lắng, ngăn rút nước	3

c. Nước mưa chảy tràn

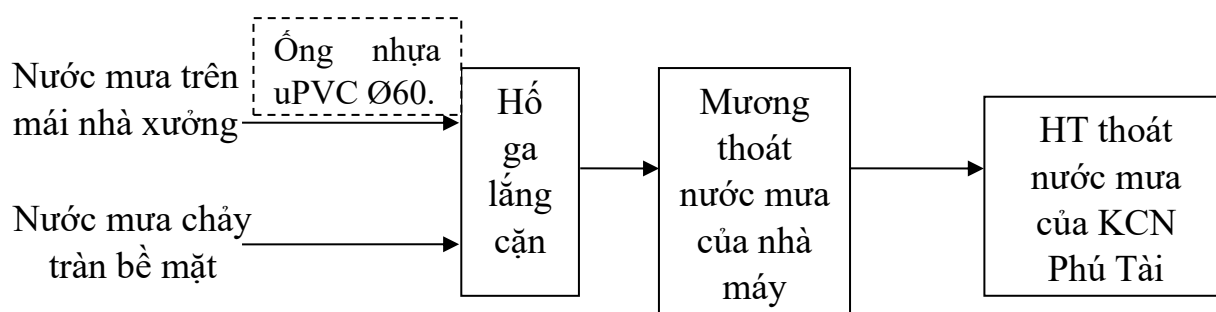
- Nước mưa phát sinh trên mặt bằng Nhà máy được thu gom bằng hố ga và dẫn bằng hệ thống mương B 400 có nắp đan theo hình thức tự chảy với độ dốc 0,5%. Nước mưa sau thu gom sẽ đầu nối vào hệ thống thu gom nước mưa của KCN tại điểm M ở phía Tây mặt bằng.

- Nước mưa trên mái nhà sẽ được thu gom và thoát xuống sân đường nội bộ bằng ống nhựa uPVC Ø60.

Bảng 4.5. Bảng tổng thể khối lượng cấu kiện thoát nước

Bảng tổng hợp khối lượng cấu kiện thoát nước					
STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Loại vật liệu	Ghi chú
1	Mương B400	M	282.0	Đá chẻ	Thoát nước mưa
2	Hố ga nước mưa	Cái	20.0	BTCT	Thoát nước mưa

- Định kỳ trước mùa mưa, công ty thực hiện nạo vét toàn bộ hệ thống thoát nước mưa của nhà máy để tăng hiệu quả thoát nước.



Hình 4.3. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của dự án

2.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

❖ Giảm thiểu ô nhiễm quá trình sản xuất

- Che chắn, phủ bạt kín nguyên nhiên liệu, sản phẩm trong quá trình vận chuyển đặt biệt đối với việc vận chuyển mùn cưa, nguyên liệu.

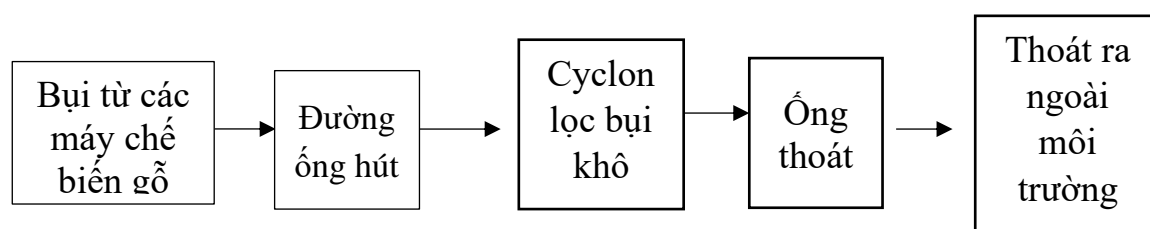
- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ.

- Chờ đúng trọng tải được cấp phép, không chờ quá tải.

❖ Giảm thiểu ô nhiễm quá trình chế biến gỗ

- Nhà máy bố trí và sắp xếp hệ thống máy móc thiết bị theo tính năng để có biện pháp xử lý cho khu vực. Nhà máy sử dụng 01 hệ thống hút bụi với 2 hệ thống Cyclon.

- Bụi từ các công đoạn chế biến gỗ được thu gom từ các ống chính và các nhánh nhỏ có công suất 50Hp đưa về hệ thống xử lý với 2 hệ thống Cyclon và bụi được thu gom bằng container đôi.



Hình 4.4 . Quy trình xử lý bụi công đoạn chế biến gỗ

Hệ thống hút bụi Cyclon xử lý bụi dựa trên nguyên lý của lực hút ly tâm. Không khí đi vào bên trong thiết bị theo phương tiếp tuyến với ống trụ và chuyển động xoáy tròn xuống dưới. Khi đó, những hạt bụi có trọng lượng lớn hơn các phân tử khí sẽ chịu tác động của của lực ly tâm văng xa trụ, va vào thành. Khi bụi chạm thành, sẽ bị mất quán tính và rơi xuống bồn chứa phía dưới. Còn bụi nhẹ thì đọng lại thành lớp, khi trọng lượng đủ nặng nó cũng bị rơi xuống. Bụi ở bồn chứa đủ nhiều sẽ được đưa ra ngoài xử lý. Như vậy, sau khi được tách bụi, các dòng khí chuyển động xoay quanh thân cyclone cho đến khi đạt đến điểm giảm của chính nó và thay đổi hướng đi lên phía trên để thoát ra ngoài qua ống thoát khí sạch.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

Bảng 4.6. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi công đoạn chế biến gỗ

STT	Hạng mục	Thông số
1	Số lượng	- 02 hệ thống xử lý Cyclon
2	Quạt hút	- Số lượng: 01 - Công suất: 50 Hp /1 quạt - Lưu lượng: 50.000m ³ /giờ
	Nhà chứa bụi (xử dụng 2 contene chồng lên nhau)	- Kích thước : 2,4m x 7,2m x 5,4m = 93,31m ²
3	Ống dẫn chính vào Nhà hút bụi	- Số lượng: 01 - Đường ống chính có kích thước: D = 600mm
	Ống dẫn nhánh (60 ống)	Các đường nhánh có kích thước D = 100 – 500mm Tổng chiều dài : 200m

Bên cạnh biện pháp chính là lắp đặt hệ thống thu gom và xử lý bụi, công ty sẽ thực hiện các biện pháp hỗ trợ sau:

- Bố trí các máy hút bụi cầm tay để thực hiện vệ sinh tại các khu vực góc khuất, không bố trí được đường ống hút bụi cục bộ trong nhà xưởng.

- Quy hoạch xây dựng nhà xưởng thông thoáng, chú trọng đến hệ thống thông gió tự nhiên và cưỡng bức, không dùng quạt trần chống nóng. Che chắn hạn chế khuếch tán bụi ra xung quanh tại khu vực cửa xẻ, sơ chế, tinh chế.

- Nhà chứa bụi được xây dựng kín với diện tích 93,31 m² tránh phát tán bụi ra ngoài môi trường, đồng thời tùy theo lượng sản xuất khi tương đối đầy bụi thì Doanh nghiệp sẽ thực hiện bán với đơn vị thu mua mùn cưa (thời điểm thu gom được lựa chọn vào giờ nghỉ dừng hoạt động máy móc thiết bị).

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cá nhân như giày dép, mũ, quần áo, găng tay, kính bảo hộ, khẩu trang ...

- Cuối ngày quét dọn vệ sinh trên bề mặt sàn nhà xưởng, tránh gió cuốn bụi phát tán ra xung quanh.

❖ **Giảm thiểu hơi dung môi trong quá trình phun sơn:**

Trong công đoạn phun sơn và nhúng dầu các sản phẩm gỗ, bụi sơn và hơi dung môi là thành phần chất ô nhiễm phát sinh nhiều nhất và ảnh hưởng lớn nhất đến môi trường không khí bên trong nhà xưởng cũng như sức khỏe của người lao động. Chủ dự

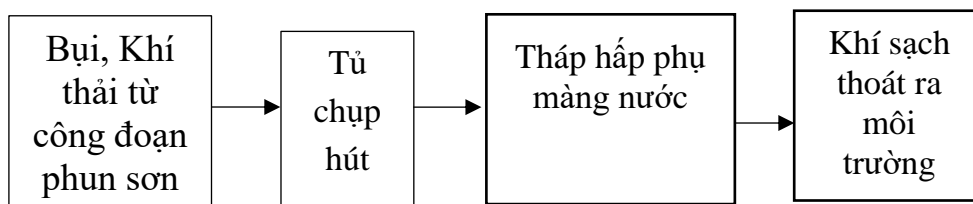
Chủ dự án: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TV Môi trường Tiến Vương

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

án sẽ áp dụng một số biện pháp giảm thiểu và xử lý ô nhiễm tại các các công đoạn này như sau:



Hình 4.5. Xử lý hơi dung môi công đoạn phun sơn

Khí thải từ công đoạn phun sơn sẽ được thu vào tủ chụp hút thông qua hạt hút công suất 7,5 Hp. Dòng khí này sẽ đi qua tháp hấp phụ màng nước và sẽ được hấp phụ trước khi thải ra môi trường. Dự án có 02 hệ thống:

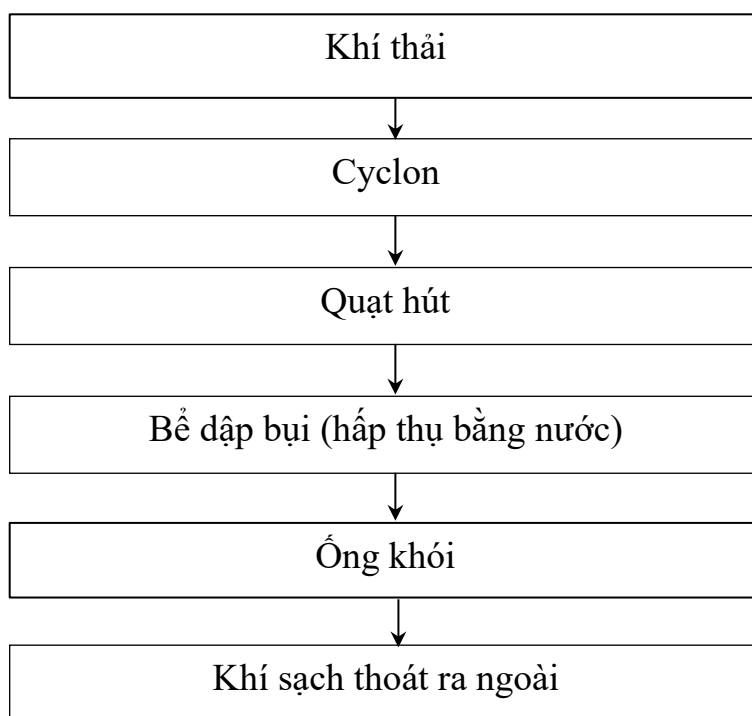
Bảng 4.7. Bảng thông số kỹ thuật hệ thống xử lý hơi dung môi công đoạn phun sơn

STT	Hạng mục	Thông số
1	Số lượng	- 01 hệ thống xử lý hơi dung môi phun sơn
2	Quạt hút	- Số lượng: 02 - Công suất: 7,5Hp /1 quạt
3	Ống khói thải	- Số lượng: 02 - Lưu lượng mỗi ống thải: 7.500 m ³ /giờ - Kích thước: D = 0,3m, H = 10 m

❖ Giảm thiểu khí thải lò hơi

Nhà máy sử dụng 01 lò hơi công suất 30 Hp đốt bằng nhiên liệu củi, gỗ với định mức tiêu thụ nhiên liệu là 6000 kg củi, gỗ/ngày và đầu tư hệ thống xử lý khí thải như sau:

Quy trình vận hành như sau:



Hình 4.6. Sơ đồ quy trình xử lý khí thải lò hơi

Thuyết minh quy trình:

Khí thải từ lò hơi được thu gom bằng hệ thống ống dẫn kín đến thiết bị Cyclon nhờ quạt hút, không khí cùng với bụi sẽ đi vào thiết bị Cyclon theo phương tiếp tuyến với ống trụ và chuyển động xoáy tròn đi xuống phía dưới. Khí sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT Cột B với hệ số $K_p=0,9$; $K_v=1$ - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp của bụi và các chất vô cơ theo đường ống khói lắp đặt cao trên 6 mét.

Phần khí thải được dẫn qua tháp hấp thụ, tại đây, khí thải được hấp thụ để loại bỏ các chất độc có trong khí thải như khí CO , NO_x , SO_x ,... Khí thải đi từ đáy tháp hấp thụ và bị phân tán mỏng ra xung quanh tháp, dự án sử dụng nước trong làm dung dịch hấp thụ, nước được bơm vào ở dạng các tia nhỏ nhằm tạo điều kiện tiếp xúc tốt nhất giữa khí thải với dung dịch. Khí thải từ đáy tháp đi lên gặp nước đi từ trên xuống, lúc này quá trình phản ứng giữa các loại khí độc có trong dòng khí thải và dung dịch hấp thụ diễn ra. Nước hấp thụ sau khi qua tháp hấp thụ được thu lại tại bể chứa và tiếp tục cho bơm lên tháp cho quá trình tiếp theo.

Định kỳ chủ dự án sẽ xả nước tại bể chứa nước và đầu nối vào hệ thống thu gom và thoát nước thải của KCN Phú Tài để được xử lý trước khi thải ra môi trường.

Công ty xây dựng hố ga tại khu lò hơi để thu gom nước thải sau khi vệ sinh và lắng cặn, hố ga có kích thước 600x600, nước sau khi lắng được dẫn bằng đường ống nhựa HDPE Ø200mm. đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Phú Tài tại hố ga đầu nối. Công ty đã ký hợp đồng xử lý nước thải với Ban Quản lý dự án và Giải phóng mặt bằng Khu kinh tế.

Bảng 4.8. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải

STT	Hạng mục	Thông số
Hệ thống xử lý khí thải lò hơi – công suất : 30HP		
1	Buồng thu bụi (Cyclon)	Kích thước: D x H = 1,36 x 3,6 (m) Vật liệu: Thép Số lượng: 1 bộ
2	Bể hấp thụ (hình hộp)	Kích thước : D x H=2 x 3x 1,5 (m) Vật liệu: SUS304 Số lượng: 1
3	Quạt hút	Công suất: 30 Hp Số lượng: 1 bộ Lưu lượng: 30.000m ³ /h
4	Bể lắng, tách cặn ống khói	Pi chống thấm lắng 1,4m, H= 2,4m bằng thép

✚ Ngoài ra, khí thải còn phát sinh trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm, hoạt động của máy móc. Chủ Dự án áp dụng các biện pháp như: thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng phương tiện vận chuyển và máy móc thiết bị, không chạy quá tốc độ quy định, bố trí các phương tiện ra vào Nhà máy phù hợp.

2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn

❖ Chất thải rắn sinh hoạt

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên và công nhân như: Chai lọ, giấy vụn, thức ăn thừa,... Định mức phát thải là 0,8kg/người/ngày, với số lượng lao động là 40 người thì tổng lượng chất thải rắn phát sinh khi nhà máy đi vào hoạt động là 15 kg/ngày

- Bố trí 02 thùng rác có thể tích khoảng 15 - 45 (lít) để thu gom rác ở văn phòng làm việc, nhà ăn, nhà vệ sinh; và 02 thùng chứa CTR 120 lít đặt ở khu vực sân đường nội bộ.

- Toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt của Công ty được nhân viên vệ sinh thu gom, phân loại với tần suất 1 lần/ngày, sau đó CTRSH được chứa vào 01 thùng rác lớn loại thùng 240 lít và đưa đến khu vực gần cổng để đơn vị có chức năng đến thu gom.

- Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đi xử lý theo quy định với tần suất là 3 - 7 lần/tuần.

-Tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, công nhân các quy định về bảo vệ môi trường.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường**Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ**

- Các biện pháp quản lý chất thải rắn sinh hoạt của Nhà máy được thực hiện theo đúng quy định tại Luật số 72/2020/QH14 Luật Bảo vệ môi trường 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

❖ Chất thải rắn công nghiệp thông thường

-Đối với CTR phát sinh trong quá trình chế biến gỗ: bao gồm mùn cưa, đầu mẩu, gỗ thừa, bụi gỗ với khối lượng phát sinh khoảng 3.285 kg/năm (khoảng 9 kg/ngày) , trong đó:

+ Dăm bào, bụi thu gom từ quá trình sơ chế, tinh chế các chi tiết gỗ được thu gom về hệ thống thu bụi trung tâm và lưu chứa tại nhà chứa bụi có kích thước 5x6x8m, định kỳ bán cho đơn vị thu mua làm nguyên liệu sản xuất viên nén.

- Tro lò sấy với khối lượng khoảng 50kg/tháng (độ tro ước tính 2%) được thu gom vào bao và đặt trên các palet tại khu vực lò sấy, sau đó bán cho cây trồng không để tích tụ lâu tại nhà máy hoặc lưu chứa ngoài trời gây ô nhiễm môi trường.

+ Cặn bùn từ quá trình xử lý khí thải lò hơi: định kỳ khoảng 01 tháng/lần Công ty sẽ tiến hành vệ sinh bể chứa nước xử lý khí thải nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý. Lượng cặn ước tính khoảng 20% thể tích nước trong bể (16 m³): 16m³ x 0,2 = 3,2m³ ≈ 21,9kg/ngày.

- Bao bì carton, bao bì nhựa thải bỏ với khối lượng khoảng 1kg/ngày được thu gom, lưu chứa tạm tại một góc trong kho dầu màu, sau đó bán phế liệu làm nguyên nguyên liệu tái chế cho các đơn vị thu mua.

- Bùn cặn từ quá trình nạo vét bể xử lý nước thải, nạo vét định kỳ các hố ga hệ thống thoát nước mưa, nước thải được lưu chứa trong các thùng chứa chuyên dụng và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Công ty thực hiện đầy đủ các quy định về việc quản lý và hợp đồng chuyển giao chất thải rắn sản xuất cho đơn vị khác, sử dụng biên bản cho mỗi lần bàn giao theo quy định hiện hành.

❖ Chất thải nguy hại, CTCNPKS

Chất thải nguy hại phát sinh từ trong quá trình hoạt động của nhà máy chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải; Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; pin, ắc quy chì thải. Thành phần và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại nhà máy được dự báo như sau.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

Bảng 4.9. Dự báo khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Số lượng (kg/năm)
01	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	05
02	Dầu động cơ, hợp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	30
03	Pin, ắc quy, chì thải	19 06 01	10
04	Tấm than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	2,42
Tổng cộng			42,92

Chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh từ trong quá trình hoạt động của nhà máy chủ yếu là giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại. Thành phần và khối lượng CTCNPKS phát sinh tại nhà máy được dự báo như sau:

Bảng 4.10 Dự báo khối lượng CTCNPKS phát sinh

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
01	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	150
02	Bao bì nhựa cứng (Bao bì bằng nhựa dính hóa chất thải)	18 01 03	2
03	Bao bì mềm (đã chứa chất khí thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 01	10
04	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	5
Tổng cộng			167

- Bố trí công nhân thu gom, phân loại CTNH, CTCNPKS không để chất thải nguy hại, CTCNPKS lẫn với các nguồn chất thải khác làm gia tăng khối lượng chất thải nguy hại của dự án.

- Sử dụng 02 thùng chứa CTR thể tích 120 lít, màu vàng để lưu giữ tạm thời lượng CTNH, CTCNPKS phát sinh.

- CTNH, CTCNPKS được chứa trong nhà chứa chất thải rắn của Nhà máy (phía Tây Nhà máy), diện tích khu vực chứa CTNH và CTCNPKS là 50m², bố trí tách biệt với khu vực chứa CTRSH có thể tái chế và CTRCNTT.

- Công ty sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại để vận chuyển, xử lý toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh từ Nhà máy. Tần suất chuyên giao khoảng 1-2 lần/năm (không lưu giữ CTNH và CTCNPKS tại nhà máy quá 12 tháng).

Chủ dự án: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TV Môi trường Tiến Vương

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

Các biện pháp quản lý CTNH, CTCNPKS của Nhà máy được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường

*** Đối với phương tiện giao thông, vận chuyển:**

- Các xe chuyên dụng cần giảm tốc độ khi đi vào bên trong khu vực nhà máy.
- Bố trí nhân viên hướng dẫn các phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy một cách hợp lý.

*** Đối với máy móc phục vụ sản xuất:**

- Trang bị máy móc, thiết bị hiện đại.
- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng máy móc, bôi trơn dầu mỡ để hạn chế tiếng ồn.
- Bố trí thời gian vận hành máy móc trong các phân xưởng hợp lý, tránh tập trung quá nhiều máy móc phát sinh tiếng ồn lớn trong cùng một phân xưởng.

2.5. Phương pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành

🚦 An toàn lao động

- Trang bị đồ bảo hộ lao động cho công nhân như: găng tay, khẩu trang.
- Đề ra kế hoạch để thực hiện khi có sự cố tai nạn xảy ra.
- Hướng dẫn công nhân vận hành các thiết bị sản xuất đúng quy trình và đảm bảo an toàn lao động; đảm bảo an toàn cho máy móc, thiết bị trong quá trình vận hành sản xuất.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì bảo dưỡng cho các thiết bị máy móc phục vụ sản xuất.
- Hệ thống chiếu sáng hoạt động tốt đảm bảo đủ ánh sáng cho công nhân làm việc.
- Tổ chức kiểm tra khám sức khỏe công nhân định kỳ.
- Giáo dục ý thức vệ sinh môi trường và vệ sinh công nghiệp cho toàn bộ cán bộ công nhân viên;

- Thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ tại doanh nghiệp;

🚦 Phòng chống rò rỉ, cháy nổ

- Trang bị các phương tiện, thiết bị PCCC và lắp đặt theo đúng tiêu chuẩn quy phạm.
- Tập huấn cho công nhân, quản lý kho và phân công trách nhiệm cho cá nhân hoặc phòng ban chịu trách nhiệm về công tác quản lý PCCC để thường xuyên kiểm tra, theo dõi, xử lý kịp thời khi có sự cố xảy ra.
- Khi phát hiện cháy trong khu vực sản xuất, tuyệt đối không vận hành hoặc sử dụng các thiết bị điện như các thiết bị máy móc phục vụ sản xuất như máy thổi, máy cắt, máy sấy,... phải đóng ngắt mạch điện ngay.

Chủ dự án: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TV Môi trường Tiến Vương

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

- Xây dựng bể chứa nước PCCC lắp đặt hệ thống máy bơm, ống chữa cháy, vòi phun nước dọc theo hệ thống nhà xưởng sản xuất. Khu vực văn phòng làm việc và trong phạm vi nhà xưởng lắp đặt thêm hệ thống bình chữa cháy và hệ thống chuông còi báo cháy.

- Khu vực chứa nguyên liệu sản xuất và sản phẩm sau sản xuất phải được thông thoáng, nguyên liệu, sản phẩm trong kho được sắp xếp hợp lý, có lối đi đủ rộng và thông thoáng nhau để dễ ứng cứu khi xảy ra sự cố cháy nổ.

- Lắp đặt thiết bị an toàn cho đường dây tải điện và thiết bị tiêu thụ điện (aptomat bảo vệ ngắt mạch và ngắt mạch chạm đất...).

⚡ Phòng ngừa sự cố bể tự hoại

- Thi công xây dựng theo đúng thiết kế.

- Định kỳ thuê đơn vị có đủ chức năng đến hút bùn dư vận chuyên đi xử lý.

- Bể tự hoại có thể sụt lún vỡ chảy tràn chất thải ra bên ngoài: Ngừng sử dụng công trình; Thuê đơn vị có chức năng đến hút mang đi xử lý, xúc rửa bể để tiến hành sửa chữa, khắc phục ngay.

2. 6 Biện pháp phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố lò hơi

Chủ dự án sẽ thực hiện các giải pháp sau đối với quá trình vận hành lò hơi, cụ thể:

- Tuân thủ đúng quy trình vận hành lò, cụ thể:

Bước 1: Kiểm tra nồi hơi:

• Kiểm tra các phụ kiện như đồng hồ áp suất, ống thủy, các loại van và tình trạng kỹ thuật bên trong buồng đốt (không rò rỉ, cong vênh, nứt bể...).

• Vị trí các van trên nồi hơi như sau: Van cấp hơi đóng, van xả khí mở (để thoát khí không ngưng), van trên bộ ống thủy luôn luôn mở (chỉ đóng khi bộ ống thủy bị kẹt, vỡ mắt kính), van trên đường ống nước vào bơm và ra bơm phải ở trạng thái mở.

• Kiểm tra mực nước ống thủy nằm trong phạm vi cho phép (mực đóng và ngắt bơm nước) trước khi vận hành nồi hơi.

Bước 2. Chuẩn bị đốt:

• Bồn chứa nước, nhiên liệu đốt lò, ... chuẩn bị đầy đủ trước khi vận hành lò hơi

• Trường hợp đốt lò từ đầu: Xếp củi lên ghi lò lẫn với một ít giấy (cho dễ đốt).

Điều chỉnh cửa gió ở quạt hút cho phù hợp với quá trình nhóm lò.

• Trường hợp ủ lò: không cần chuẩn bị nên rút ngắn thời gian nhóm lò ban đầu.

Bước 3. Vận hành nồi hơi

1. Kiểm tra hệ thống điện có rò điện không

2. Mở công tắc tủ điện

3. Mở quạt hút ở chế độ tay

• Duy trì đốt cháy củi, có thể cho giấy hoặc củi nhỏ để bén lửa, sau đó từ từ cho củi lớn vào và bật quạt thổi; khi củi đã cháy mạnh thì chuyển quạt hút và quạt thổi về chế độ tự động.

Chủ dự án: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TV Môi trường Tiến Vương

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

- Trong quá trình đốt khi thấy hơi thoát ra ở van xả khí một lúc (khoảng 5 phút), thì đóng van xả khí lại.
- Kiểm tra tất cả thiết bị sử dụng hơi trên đường ống ở trạng thái đóng.
- Mở van hơi chính ra một chút (để sấy sơ bộ đường ống, tránh mở nhanh gây giãn nở đường ống đột ngột). Sau khoảng 2 đến 3 phút thì mở van hơi lớn ra.
- Giật cưỡng bức van an toàn (kiểm tra xem van có bị kẹt hoặc xì hay không).
- Theo dõi mực nước ống thủy khi xuống thấp bơm nước có hoạt động không, theo dõi cho đến khi mực nước lên tới vị trí ngắt bơm (theo dõi lần đầu để biết được bơm nước và bu gi, bộ tự động nước hoạt động bình thường).
- Theo dõi đồng hồ áp lực khi lên tới vị trí cài đặt áp suất cao (quạt hút và quạt thổi phải ngắt), tương tự khi áp suất giảm tới vị trí cài đặt áp suất thấp (quạt hút bật lên trước, quạt thổi bật lên sau).
- Trong quá trình vận hành nồi hơi không được rời khỏi vị trí làm việc, theo dõi thời gian sử dụng hơi của các thiết bị bên ngoài để cung cấp củi vào lò và giữ cho áp suất hơi ổn định. Theo dõi hoạt động của toàn bộ thiết bị của hệ hơi để kịp thời xử lý sự cố.

Bước 4. Kết thúc vận hành

- Ngừng lò theo kế hoạch
- Gần cuối ca phải giảm dần nhiên liệu đốt cho phù hợp với nhu cầu sử dụng của các thiết bị, sao cho đốt xong lượng củi còn lại cháy kiệt.
- Tắt quạt hút và quạt thổi.
- Cào toàn bộ tro than ra ngoài, rồi mới xịt nước (tránh trường hợp xịt nước trực tiếp vào trong lò gây nguy hiểm và làm hư hỏng các bộ phận của lò)
- Xả nước cặn đáy lò hơi khoảng 10% lượng nước trong nồi, chú ý bơm nước đặt ở chế độ tự động để bơm lại cho đủ mực nước trong lò.
- Xả nước cặn ở bầu bugi và ống thủy, mở van xả khí để giảm áp suất và đóng van hơi chính
 - Ghi chép tình hình vận hành vào sổ bàn giao ca
 - Bảo trì, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị;
 - Kiểm tra chế độ vận hành theo thiết kế và sửa chữa kịp thời khi có sự cố. Đội ngũ nhân viên kỹ thuật và công nhân luôn sẵn sàng ứng phó khi có sự cố xảy ra;
 - Công nhân vận hành sẽ được tập huấn các kiến thức, kỹ năng cần thiết để đảm bảo vận hành tốt, đảm bảo hiệu suất xử lý, giảm thiểu các sự cố xảy ra;
 - Thường xuyên kiểm tra và giám sát độ kín và độ bền của hệ thống xử lý bụi cũng như các hệ thống đường ống dẫn, kịp thời sửa chữa khi có dấu hiệu hư hỏng;

Chủ dự án: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TV Môi trường Tiến Vương

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

– Chấp hành những quy định về kỹ thuật an toàn theo tiêu chuẩn TCVN 6006 – 1995 (yêu cầu kỹ thuật an toàn về lắp đặt, sử dụng, sửa chữa lò hơi), cụ thể như sau:

Ban hành các quy định trách nhiệm cho những người liên quan đến việc sử dụng lò hơi, phải đăng ký sử dụng lò hơi tại cơ quan có thẩm quyền. Lò hơi mới sẽ được đơn vị chức năng kiểm tra, kiểm định đảm bảo an toàn theo quy định trước khi đưa vào vận hành. Trong quá trình hoạt động sản xuất, Chủ dự án sẽ thuê đơn vị có chức năng kiểm tra, kiểm định an toàn định kỳ theo quy định để đảm bảo an toàn trong suốt quá trình hoạt động.

+ Người trực tiếp vận hành lò hơi phải qua đào tạo và được cấp chứng chỉ đủ tiêu chuẩn vận hành.

+ Lò hơi có đầy đủ các hồ sơ kỹ thuật: lý lịch lò hơi, các bản vẽ cấu tạo các bộ phận của lò hơi, các chứng chỉ kiểm tra chất lượng và biên bản xuất xưởng.

+ Tiến hành sửa chữa lò hơi theo đúng lịch và kiểm tra kỹ thuật lò hơi theo đúng thời hạn quy định.

+ Sau khi sửa chữa phải được tiến hành kiểm nghiệm kỹ thuật trước khi đưa vào sử dụng.

+ Người quản lý lò hơi phải thường xuyên kiểm tra việc chấp hành quy trình, tiêu chuẩn an toàn của những người vận hành.

* Một số phương án xử lý khi gặp sự cố lò hơi:

1/ Cách xử lý sự cố cạn nước:

– Ngừng cấp nhiên liệu, cào toàn bộ củi đốt ra ngoài;

– Kiểm tra mực nước thực tế trong lò: mở van xả hết hơi ra, mở van xả đáy xem có nước ra không;

– Nếu không có nước ra mà chỉ có hơi xanh xì ra tức là lò bị cạn nước, thao tác như sau:

+ Xả hơi ra ngoài nhanh chóng hoặc bằng van an toàn khi lò có áp suất cao;

+ Để áp suất hạ thấp và lò nguội, báo cáo cán bộ kỹ thuật đến xử lý.

2/ Xử lý ống thủy bị vỡ:

– Lấy vải hoặc bao bố trùm kín nơi có hơi hoặc có nước xì ra;

– Đóng van hơi và van nước từ lò thông qua ống thủy;

– Thay ống thủy mới và thực hiện thay thế đúng quy trình kỹ thuật.

3/ Xử lý Áp kế hơi bị hỏng:

– Khóa van từ lò ra áp kế và thay áp kế mới;

– Trường hợp áp kế bị hỏng nhẹ vẫn hoạt động được thì tạm thời hoạt động đến kỳ

Chủ dự án: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TV Môi trường Tiến Vương

bảo dưỡng gần nhất sẽ thay thế.

4/ Xử lý hỏng van an toàn:

– Nếu có hơi xì ra thì dùng tay nhắc tay đòn của van lên cho hơi thoát ra, sau đó thả tay ra xem van có đóng được không;

– Nếu lượng hơi quá lớn thì ngừng lò;

– Để áp suất hạ xuống mức 0, rồi tháo van ra sửa chữa, thay thế.

– Khi cho van hoạt động phải tiến hành kiểm tra nôi hơi.

5/ Xử lý hệ thống cấp nước không chế mức nước giới hạn bị hỏng:

– Kiểm tra bộ phận bị hỏng dẫn đến sự cố cạn nước và xử lý như trường hợp cạn nước.

6/ Xử lý van xả đáy lò bị hư:

– Nếu nước xì ra nhẹ thì cho hoạt động tạm thời chờ bảo dưỡng;

– Nếu nước ra nhiều thì ngừng hoạt động và kiểm tra mức nước và xử lý như sự cố cạn nước.

7/ Xử lý sự cố cháy thùng ống lửa:

Ngừng hoạt động, để áp suất hạ thấp và nguội lò rồi báo cáo cho cán bộ xử lý lò hơi đến xử lý.

2. 7 Biện pháp thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải phát sinh tại bãi chứa nguyên liệu gỗ: bãi chứa nguyên liệu được xây gờ chắn có nghiêng về hướng thu gom phía Tây Bắc bãi chứa sau đó dẫn về bể xử lý nước thải tập trung của nhà máy có thể tích 7m³ bằng đường ống HDPE D200 để xử lý cùng với nước thải xử lý khí thải lò hơi. Nước thải sau xử lý được dẫn bằng ống nhựa HDPE 200 đầu nối vào hố ga thu gom nước thải chung của KCN tại điểm T phía Tây Bắc mặt bằng để dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung KCN Phú Tài.

❖ Thành phần, khối lượng nguyên vật liệu, hóa chất sử dụng

- Dầu màu, sơn lót (Stein dậm PSC- 60A, Stein màu KT-02, Màu Stein KTBT-03, PU trắng); Khối lượng 20.000 kg/năm.

- Keo 502 với khối lượng 80 kg/năm; Keo sữa 2.000 kg/năm.

- Dầu nhúng (OBT-01N-250917), khối lượng 10.000 kg/năm.

- Dầu DO, nhớt dùng cho xe nâng, xe đưa đón, máy móc, máy nén khí với khối lượng 100kg/năm nhớt, 200 kg dầu.

Oxi già dùng để xử lý khuyết tật về màu sắc của gỗ với khối lượng 100kg/năm.

- Amoniac 100kg/năm.

- Vật tư phụ liệu

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

- + Giấy nhám (vải nhám, giấy nhám), khối lượng 0,5 tấn/năm.
- + Thanh trượt bi: 200 cặp;
- + Bánh xe: 30 cái;
- + Ốc (kết nối): 1.000.000 con;
- + Ổ khóa+chìa: 20 cái;
- + Bao bì: 1.000 kg.

3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

❖ **Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và kế hoạch xây lắp, dự toán kinh phí**

Bảng 4.11. Danh mục, kế hoạch và khai toán kinh phí thực hiện, xây dựng, lắp đặt các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường giai đoạn vận hành dự án

Các công trình biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí thực hiện (đồng)
Xây dựng nhà chứa chất thải rắn	30.000.000
Hệ thống thu gom và xử lý nước thải	200.000.000
Bể nước phòng cháy chữa cháy	800.000.000

✚ **Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường**

- Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường dự án có nhiệm vụ sau:

+ Tổ chức thực hiện đúng các cam kết của Chủ dự án đưa ra trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường được phê duyệt, cũng như bảo đảm công tác quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường dự án hoạt động ổn định, đạt hiệu quả xử lý yêu cầu và bảo đảm chất lượng môi trường trên khu vực dự án đạt quy chuẩn quy định.

+ Nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ môi trường cho CBCNV của dự án, góp phần thực hiện nghiêm túc công tác vệ sinh môi trường hàng ngày.

+ Giám sát an toàn và môi trường có trách nhiệm quản lý, vận hành các công trình biện pháp bảo vệ môi trường trong dự án: chịu trách nhiệm điều hành giám sát an toàn lao động của công nhân viên và hoạt động an toàn hệ thống các máy móc, thiết bị của dự án, cũng như thực hiện công tác bảo dưỡng máy móc, thiết bị, hay tổ chức thực hiện xử lý sự cố xảy ra trong quá trình vận hành; chịu trách nhiệm quản lý và giám sát môi trường chung trong toàn dự án.

4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

Trong báo cáo này, chúng tôi đã sử dụng một loạt các phương pháp đánh giá như: Phương pháp thống kê, phương pháp phân tích mẫu môi trường, phương pháp so sánh với các TCVN và QCVN hiện hành đồng thời sử dụng nhiều nguồn dữ liệu, số liệu từ các dự án khác có tính chất tương đồng về mức độ ảnh hưởng đến môi trường trong giai đoạn xây dựng dự án, thu thập các nguồn thông tin và kinh nghiệm chuyên môn của các

Chủ dự án: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TV Môi trường Tiến Vương

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường**Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ**

cơ quan tư vấn, thông tin từ các văn bản pháp luật có liên quan để trên Dự án đó chúng tôi phân loại theo nguyên nhân các tác nhân gây ô nhiễm môi trường, gây nên sự cố môi trường; từ đó đánh giá các tác động môi trường một cách khách quan, chặt chẽ và đưa ra các biện pháp giảm thiểu cụ thể, phù hợp với từng nguồn tác động.

❖ *Các phương pháp được sử dụng trong báo cáo là những phương pháp đã được áp dụng từ lâu, mức độ tin cậy của các phương pháp được thể hiện như sau:*

- **Phương pháp thống kê** tương đối đơn giản nên mức độ chi tiết và độ tin cậy của phương pháp này là có Dự án;

- **Phương pháp liệt kê mô tả:** Đã liệt kê được các tác động tích cực và tiêu cực của dự án gây ra đối với môi trường xung quanh bao gồm con người và tự nhiên. Phương pháp này đã mô tả và đánh giá được mức độ các tác động xấu lên cùng một nhân tố và chỉ ra được những điểm cần phải khắc phục khi thực hiện;

- **Phương pháp lấy mẫu ngoài hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm:**

- Phương pháp này mang tính thực tế, thể hiện tương đối chính xác hiện trạng môi trường;

- Phương pháp đánh giá nhanh của tổ chức Y tế thế giới (WHO) đã góp phần trong việc đánh giá các mức ô nhiễm của các tác nhân gây ô nhiễm ở nhiều mức độ khác nhau;

- **Phương pháp so sánh:** Dựa vào số liệu thực tế, so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành để xác định mức độ ô nhiễm. Phương pháp này có độ chính xác tương đối cao;

- **Phương pháp kế thừa** là đáng tin cậy vì các đánh giá đã được các cơ quan có chức năng thẩm định và phê duyệt. Tuy nhiên, phương pháp này chỉ mang tính tương đối bởi tại thời điểm lập báo cáo có thể số liệu đó bị thay đổi hoặc không còn hoàn toàn chính xác.

CHƯƠNG V.**NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG****5.1. Nội dung cấp phép đối với nước thải****a. Nguồn phát sinh nước thải:**

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh, khu văn phòng, căn tin, showroom.

+ Nguồn số 02: Nước thải sản xuất phát sinh tại dự án (nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi; nước xả đáy nồi hơi).

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất phát sinh tại dự án được thu gom đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của KCN Phú Tài – tại điểm T, dẫn về Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Phú Tài, không xả thải ra môi trường nên không thuộc trường hợp cấp phép nước thải theo quy định.

b. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải sinh hoạt khu vực văn phòng, căn tin, showroom được thu gom, xử lý sơ bộ bằng hố ga lắng cặn, tự chảy theo đường ống HDPE D200 về bể xử lý nước thải tập trung của nhà máy có thể tích 7m³ để xử lý sơ bộ.

+ Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn, tự chảy theo đường ống HDPE D200 về bể xử lý nước thải tập trung của KCN có thể tích 7m³ để xử lý sơ bộ.

- Nước thải sản xuất: Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi và nước xả đáy nồi hơi: được xả vào hố ga thu gom, sau đó dẫn bằng ống nhựa HDPE 200 về bể xử lý nước thải tập trung của KCN có thể tích 7m³ để xử lý sơ bộ.

- Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý bụi sơn, hơi dung môi được thu gom vào các thùng có dung tích 200 lít, sau đó vận chuyển về kho chứa chất thải nguy hại để lưu chứa và ký hợp đồng với Công ty TNHH Thương mại Môi trường Hậu Sanh thu gom và xử lý.

* Toàn bộ nước thải tại bể xử lý nước thải tập trung được dẫn bằng ống nhựa HDPE 200 đầu nối vào hố ga thu gom nước thải chung của KCN Phú Tài – tại điểm T phía Tây Bắc mặt bằng. Tọa độ hố ga đầu nối nước thải: X = 15.23307; Y = 59.6381 (theo tọa độ VN2000, kinh tuyến 108⁰15', múi chiếu 3⁰). Chất lượng nước thải trước khi đầu nối đảm bảo đạt cấp độ B theo Quyết định số 19A/QĐ-DAGPMB ngày 22/7/2024 của Ban Quản lý dự án và Giải phóng mặt bằng Khu kinh tế.

c. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt → bể tự hoại (Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc)
→ Đầu nối hệ thống XLNT nước thải tập trung của KCN Phú Tài.

- Dung tích bể tự hoại: 07m³/bể.

- Hóa chất sử dụng: Không.

5.2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với khí thải:**a. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ công đoạn đốt nhiên liệu vận hành 01 lò hơi công suất :30.000 m³/giờ
- Nguồn số 02: Bụi, hơi dung môi phát sinh từ công đoạn phun sơn.
- Nguồn số 03: Bụi gỗ phát sinh từ công đoạn chế biến gỗ.

b. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:❖ *Vị trí xả khí thải:*

- Dòng số 01: Tại miệng ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 01; tọa độ: X = 15.23276, Y = 596.463;
- Dòng số 02: Tại miệng ống thoát của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi phun sơn số 01; tọa độ: X = 15.23307, Y = 596.359.
- Dòng số 03: Tại miệng ống thoát của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi phun sơn số 02; tọa độ: X = 15.23269, Y = 596.380
- Dòng số 04: Tại miệng ống thoát số 01 của hệ thống xử lý bụi số 01 của công đoạn chế biến gỗ; tọa độ X = 15.23287, Y = 596.370.
- Dòng số 05: Tại miệng ống thoát số 01 của hệ thống xử lý bụi số 02 của công đoạn chế biến gỗ; tọa độ X = 15.23288, Y = 596.368.

(Vị trí các điểm xả bụi, khí thải xác định theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 108^o15', múi giờ 3^o).

❖ *Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 95.000 m³/ giờ*

- Dòng số 01: Lưu lượng 30.000 m³/giờ.
- Dòng số 02: Lưu lượng 7.500m³/giờ.
- Dòng số 03: Lưu lượng 7.500m³/giờ.
- Dòng số 04: Lưu lượng 25.000m³/giờ
- Dòng số 05: Lưu lượng 25.000m³/giờ

❖ Phương thức xả khí thải: Xả gián đoạn theo thời gian hoạt động sản xuất của dự án, tối đa 12 giờ/ngày.

❖ Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải theo QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B (Kp=0.9; Kv=1) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

Bảng 5.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
01	Bụi tổng	mg/Nm ³	121	Không
02	CO	mg/Nm ³	600	
03	SO ₂	mg/Nm ³	62	
04	NO ₂	mg/Nm ³	28	
05	n-butanol	mg/Nm ³	360	

5.3. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với tiếng ồn, độ rung:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực sản xuất.
- Nguồn số 02: Tại khu vực hệ thống xử lý bụi gỗ.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X= 15.23316, Y=596.358
- Nguồn số 02 : Tọa độ X= 15.23266, Y=596.374

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 108°15', múi chiều 3⁰).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	45	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Quy chuẩn áp dụng	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ			
1	70	50	-	QCVN 27:2010/BTNMT	Khu vực thông thường

CHƯƠNG VI**KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

Trên Dự án các công trình bảo vệ môi trường của dự án, chủ đầu tư rà soát và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn đi vào vận hành, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư**1.1 Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm**

- Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định các dự án có công trình xử lý nước thải tại chỗ theo quy định tại khoản 3 điều 53 Luật Bảo vệ môi trường(như bể tự hoại, bể tách dầu mỡ,..) không phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

Vậy, dự án không có công trình xử lý nước thải. Do đó, dự án thuộc đối tượng không phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

1.2 Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Theo khoản 5 điều 21 của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 chủ dự án đưa ra Kế hoạch quan trắc mẫu khí thải sau hệ thống xử lý bụi, khí thải của nhà máy như sau:

Bảng 6.1. Kế hoạch quan trắc và mẫu khí thải

STT	Loại mẫu	Ký hiệu	Số lượng	Vị trí	Tần suất	Thời gian quan trắc	Thông số quan trắc
1	Khí thải	KT1	01	Ống thải khí thải của hệ thống xử lý bụi xưởng mộc máy	1 ngày /lần trong 3 ngày liên tiếp	Thời gian quan trắc cụ thể Công ty sẽ thông báo trong văn bản thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm dự án	Lưu lượng, bụi tổng (02 chỉ tiêu)

1.3 Kế hoạch đo đạc và lấy mẫu phân tích chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình thiết bị xử lý chất thải**Bảng 6.2. Kế hoạch đo đạc và lấy mẫu phân tích chất thải**

TT	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu	Thông số quan trắc	Quy chuẩn, tiêu chuẩn so sánh
----	----------------	----------	--------------------	-------------------------------

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

01	Tại đầu ra ống khói hệ thống xử lý khí thải lò hơi	Mẫu đơn	Lưu lượng, bụi tổng, CO, NO _x , SO _x	QCVN 19:2009/BTNMT cột B K _p =0,9; K _v =1.
02	Tại các ống thoát của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi phun sơn		Lưu lượng, bụi tổng, n-butanol	QCVN 19:2009/BTNMT cột B K _p =0,9; K _v =1 QCVN 20:2009/BTNMT
03	Tại các ống thoát của hệ thống xử lý bụi trung tâm		Lưu lượng, bụi tổng	QCVN 19:2009/BTNMT cột B K _p =0,9; K _v =1

2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định pháp luật**2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ***** Giám sát khí thải lò hơi**

- Vị trí giám sát: 01 mẫu khí thải tại ống khói sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải lò hơi 0,5 m³/giờ.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Chỉ tiêu giám sát: Lưu lượng, bụi tổng, SO₂, NO_x, CO;
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT cột B (K_p=0,9; K_v=1)- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

*** Giám sát khí thải tại buồng phun sơn**

- Vị trí giám sát: 01 mẫu khí thải tại ống thoát hơi của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi phun sơn số 1;
- Tần suất giám sát: 6 tháng /lần;
- Chỉ tiêu giám sát: Lưu lượng, bụi tổng, n-butanol.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT cột B (K_p=0,9; K_v=1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

*** Giám sát bụi tại hệ thống xử lý bụi tại công đoạn chế biến gỗ**

- Vị trí giám sát: 01 mẫu bụi tại hệ thống xử lý bụi tại công đoạn chế biến gỗ .
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần;

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường**Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ**

- Chỉ tiêu giám sát: Lưu lượng, bụi tổng.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT cột B (Kp=0,9; Kv=1)- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

- Quan trắc nước thải: Căn cứ vào khoản 2, điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì dự án không thuộc trường hợp phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục.

- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: Căn cứ vào khoản 3, điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì dự án không thuộc trường hợp phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án

- Giám sát CTR thông thường:
 - + Vị trí giám sát: Toàn nhà máy
 - + Tần suất giám sát: Liên tục
 - + Nội dung giám sát: Việc thu gom, lưu giữ và xử lý.
 - + Dự án so sánh, đánh giá: Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Giám sát CTNH:
 - + Vị trí giám sát: Toàn nhà máy
 - + Tần suất giám sát: Liên tục
 - + Nội dung giám sát: Việc thu gom, lưu giữ và xử lý.
 - + Dự án so sánh, đánh giá: Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

- Kinh phí thực hiện: 10 triệu đồng/năm.
- Trách nhiệm thực hiện: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh
- Chế độ báo cáo: Định kỳ 01 lần/năm.

Chương VII**CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Công ty cam kết thực hiện các chương trình quản lý môi trường như đã nêu trong báo cáo. Đồng thời, cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu của Dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội trong khu vực và tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan đến dự án.

- Cam kết thực hiện đúng Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ khi triển khai thực hiện việc vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải (lập kế hoạch vận hành thử nghiệm gửi Ban Quản lý KKT, ghi sổ nhật ký vận hành, thuê đơn vị có chức năng đo đạc quan trắc mẫu chất thải,...).

- Đảm bảo thực hiện tốt công tác PCCC theo đúng quy định Nhà nước về PCCC.

- Cam kết các giải pháp, biện pháp về bảo vệ môi trường sẽ được vận hành thường xuyên trong giai đoạn từ khi dự án đi vào vận hành chính thức cho đến khi kết thúc hoạt động.

- Chủ dự án cam kết xây dựng lắp đặt đường ống để đầu nối thu gom nước thải từ hoạt động xả thải của xưởng để đầu nối vào khu xử lý nước thải tập trung của KCN.

- Cam kết thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường gửi cơ quan chức năng theo đúng quy định.

- Cam kết trồng cây xanh theo đúng diện tích theo quy hoạch được duyệt.

- Cam kết chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra các sự cố làm ảnh hưởng đến con người và môi trường xung quanh.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có yếu tố môi trường nào phát sinh chúng tôi sẽ báo cáo ngay với các cơ quan có liên quan để phối hợp xử lý ngay nguồn ô nhiễm này.

Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động của Dự án nếu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường./.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

PHỤ LỤC

TT	Tên tài liệu
1	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2	Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường
3	Hợp đồng thu gom vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt thông thường
4	Các bản vẽ công trình bảo vệ môi trường

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BÌNH ĐỊNH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 4101467165
Đăng ký lần đầu, ngày 22 tháng 06 năm 2016
Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 27 tháng 12 năm 2022

1. Tên công ty
Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI TRUNG THANH**
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **TRUNG THANH TRADING PRODUCTION CO.,LTD**
Tên công ty viết tắt: **CÔNG TY TNHH SX-TM TRUNG THANH**

2. Địa chỉ trụ sở chính
Tổ 7, khu vực 1, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam
Điện thoại: *0932 443 379* Fax:
Email: *trungthanhcoombinh@gmail.com* Website:

3. Vốn điều lệ 5.000.000.000 đồng
Bằng chữ: Năm tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu
Họ và tên: **ĐO THANH TRUNG** Giới tính: *Nam*
Sinh ngày: *27/02/1983* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *052083008537*
Ngày cấp: *10/08/2021* Nơi cấp: *Cục cảnh sát QLHC về TTXH*
Địa chỉ thường trú: *Tổ 12, khu vực 2, Phường Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam*
Địa chỉ liên lạc: *Tổ 12, khu vực 2, Phường Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Chủ dự án: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh
Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TV Môi trường Tiến Vương

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

* Họ và tên: **ĐỖ THANH TRUNG** Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *27/02/1983* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *052083008537*

Ngày cấp: *10/08/2021* Nơi cấp: *Cục cảnh sát QLHC về TTXH*

Địa chỉ thường trú: *Tổ 12, khu vực 2, Phường Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Tổ 12, khu vực 2, Phường Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

**KY. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Nguyễn Chí Vũ

Chủ dự án: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh
Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TV Môi trường Tiên Vương

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 242 /QĐ-BQL

**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH
CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ**
(Cấp lần đầu: ngày 29 tháng 7 năm 2016)
(Điều chỉnh lần thứ nhất: ngày 03 tháng 8 năm 2023)

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHDT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 591/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 70/2022/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 1476/QĐ-BQL ngày 29/7/2016 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định về chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy sản xuất ván sàn, gỗ ghép xuất khẩu và tiêu thụ nội địa;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh nộp ngày 26/7/2023;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy sản xuất ván sàn, gỗ ghép xuất khẩu và tiêu thụ nội địa tại Quyết định số 1476/QĐ-BQL ngày 29/7/2016 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định cấp cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh với các nội dung điều chỉnh như sau:

"Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: Mở rộng dây chuyền xưởng sản xuất đồ gỗ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa

2. Mục tiêu dự án: sản xuất đồ gỗ xây dựng

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

3. Quy mô dự án: 900 m³ sản phẩm/năm

4. Địa điểm thực hiện dự án: Một phần lô B55, KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.

5. Diện tích: 7.835,2 m²

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 11.000.000.000 (Mười một tỷ) đồng. Trong đó:

- Vốn góp để thực hiện Dự án là 2.500.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 23% tổng vốn đầu tư.

- Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh góp 2.500.000.000 đồng; bằng tiền mặt; chiếm tỷ lệ 100% vốn góp. Tiến độ góp vốn như sau:

+ Tháng 11/2016: góp 2.000.000.000 đồng

+ Tháng 9/2023: góp 500.000.000 đồng

7. Thời hạn hoạt động dự án: kể từ ngày cấp Quyết định chủ trương đầu tư lần đầu đến ngày 31/12/2048.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Giai đoạn 1: trên phần diện tích 1.335,2 m²

+ Tháng 9/2016: hoàn thành các thủ tục chuẩn bị đầu tư.

+ Tháng 10/2016 – 3/2017: san lấp mặt bằng, xây dựng công trình và đưa dự án đi vào hoạt động.

- Giai đoạn 2: trên phần diện tích khoảng 6.500 m²

+ Tháng 7/2023 – 12/2023: hoàn thành các thủ tục đầu tư.

+ Tháng 01/2024 – 9/2024: khởi công xây dựng các hạng mục, trang bị máy móc thiết bị và đi vào hoạt động.”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Nhà đầu tư có trách nhiệm triển khai thực hiện dự án đầu tư theo đúng mục tiêu, quy mô, nội dung, tiến độ cam kết và các quy định tại Quyết định số 1476/QĐ-BQL ngày 29/7/2016 và Quyết định này; tuân thủ các quy định pháp luật về xây dựng, đất đai, môi trường, phòng cháy chữa cháy, lao động, đăng ký kinh doanh, đăng ký đầu tư và các quy định của pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một bộ phận không tách rời của Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 1476/QĐ-BQL ngày 29/7/2016.

2. Trưởng Phòng Quản lý Đầu tư, các phòng, ban liên quan và Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

3. Quyết định này được gửi cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh và một bản lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lãnh đạo Ban;
- Công ty CP ĐT&XD BD;
- Các phòng: QLQH&D, QLTNMT, QLDN, VPDD;
- Lưu: VT, P.QLDT.



TRƯỞNG BAN



Dặng Vĩnh Sơn

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường**Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ****BND TỈNH BÌNH ĐỊNH
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 51 /TD-BQL

Bình Định, ngày 14 tháng 6 năm 2024

KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH**Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500****Dự án: Mở rộng dây chuyên xưởng sản xuất đồ gỗ XK và TTND**

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 về luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ về việc Quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng về việc quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng, Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 70/2022/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 2406/QĐ-UBND ngày 04/7/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Phú Tài;

Chủ dự án: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TV Môi trường Tiến Vương

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường**Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ**

2

Căn cứ Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 1476/QĐ-BQL ngày 29/7/2016; Quyết định số 242/QĐ-BQL ngày 03/8/2023 (điều chỉnh lần thứ nhất) của Ban Quản lý Khu kinh tế cấp cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh;

Trên cơ sở hồ sơ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 do Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh trình phê duyệt tại Tờ trình số 01/2024/TTr-QH ngày 05/6/2024 (mã hồ sơ: H08.18-240606-0002), Ban Quản lý Khu kinh tế thông báo kết quả thẩm định đồ án với một số nội dung như sau:

I. Thông tin chung về dự án:

1. Tên dự án: Mở rộng dây chuyền xưởng sản xuất đồ gỗ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.
2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh.
3. Địa điểm quy hoạch: Một phần Lô B55, KCN Phú Tài, TP. Quy Nhơn.
4. Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Huy Hoàng.
5. Đơn vị tổ chức thẩm định: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định.
6. Cơ quan phê duyệt quy hoạch: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định.

II. Hồ sơ thẩm định Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500:

Thành phần hồ sơ trình thẩm định quy hoạch bao gồm:

- Thuyết minh quy hoạch.
- Hồ sơ bản vẽ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500.

III. Nội dung hồ sơ quy hoạch trình thẩm định:

1. Phạm vi ranh giới và diện tích quy hoạch:
 - Phạm vi ranh giới: Một phần Lô B55, KCN Phú Tài, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, có giới cận được xác định cụ thể như sau:
 - + Phía Đông giáp: Công ty TNHH Granite An Nhơn và phần đất xây xanh của KCN.
 - + Phía Tây giáp: Muong thoát nước địa hình KCN;
 - + Phía Nam giáp: Đất hành lang xây xanh của KCN;
 - + Phía Bắc giáp: Đường giao thông nội bộ số 23.
 - Diện tích quy hoạch: 7.835,2m² (0,78352ha).
2. Mục tiêu quy hoạch:
 - Cụ thể hóa Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 KCN Phú Tài đã được UBND tỉnh phê duyệt.
 - Quy hoạch xây dựng xưởng sản xuất đồ gỗ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa, công suất 900m³ sản phẩm/năm.
 - Đảm bảo kết nối đồng bộ về hạ tầng, về kiến trúc cảnh quan với các dự án lân cận trong Khu công nghiệp.
 - Làm cơ sở dự án đầu tư, triển khai xây dựng và quản lý theo quy định.

Chủ dự án: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh
Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TV Môi trường Tiến Vương

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

3

3. Nội dung quy hoạch:

- Mở rộng ranh giới lô đất B55 về phía Đông và phía Nam, tăng quy mô diện tích từ 1.335,2m² → 7.835,2m².

- Tháo dỡ toàn bộ các công trình hiện trạng, đầu tư xây dựng mới các hạng mục công trình theo dây chuyền sản xuất. Công trình hạ tầng kỹ thuật được đầu tư xây dựng phù hợp với phương án quy hoạch.

4. Quy hoạch sử dụng đất:

- Bảng chi tiêu cơ cấu sử dụng đất:

STT	Loại Đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng công trình	4.518,50	57,67%
2	Đất cây xanh, thảm cỏ	1.572,00	20,06%
3	Đất sân bãi, đường giao thông nội bộ	1.744,70	22,27%
Tổng cộng		7.835,20	100%

- Bảng tổng hợp các hạng mục xây dựng:

Ký hiệu	Tên hạng mục công trình	Số tầng	Diện tích xây dựng (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)
1	Xưởng sản xuất số 1	1	1.200,0	1.200,0
2	Xưởng sản xuất số 2	1	1.774,5	1.774,5
3	Xưởng sản xuất số 3	1	780,0	780,0
4	Lò sấy	1	196,0	196,0
4a	Mái che lò sấy	1	140,0	140,0
4b	Khu vực lò hơi	1	49,0	49,0
5	Nhà Văn phòng + Căn tin + Showroom	2	175,0	407,0
	Tầng 1			175,0
	Tầng 2			232,0
6	Nhà xe	1	42,0	42,0
7	Nhà hút bụi	1	21,0	21,0
8	Nhà chứa CTR, CTNH	1	9,0	9,0
9	Nhà bảo vệ	1	12,0	12,0
10	Bể nước ngầm PCCC 450m ³ và Nhà đặt máy bơm	1	120,0	120,0

5. Quy hoạch tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan: Cơ cấu tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan của nhà máy được tổ chức như sau:

- Khu điều hành: Nhà văn phòng + showroom, nhà xe bố trí tại phía Đông mặt bằng, xung quanh được bao bọc bởi khu cây xanh cảnh quan.

- Khu sản xuất: Được bố trí tại vị trí trung tâm mặt bằng, bao gồm 03 nhà xưởng sản xuất chính.

- Khu phụ trợ: Được tổ chức xung quanh khu sản xuất theo dây chuyền công năng của nhà máy, đảm bảo thuận tiện trong công tác sản xuất.

- Khu cây xanh thảm cỏ: Bố trí xen kẽ với các khu chức năng của nhà máy nhằm cải thiện môi trường vi khí hậu, giảm thiểu tác động xấu trong quá trình hoạt động sản xuất ảnh hưởng đến các dự án lân cận, cũng như tạo cảnh quan trong mặt bằng nhà máy.

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

6.1. San nền:

- Trên cơ sở cao độ hiện trạng đã được san nền hoàn thiện, doanh nghiệp chỉ san gạt tạo độ dốc nhằm đảm bảo việc thoát nước mưa trong mặt bằng.

- Cao độ nền xây dựng thấp nhất: + 16.5m; cao nhất: + 17.2m.

6.2. Giao thông:

- Giao thông đối ngoại: Nhà máy đấu nối với Tuyến đường nội bộ số 23 KCN thông qua 01 cổng chính tại góc Tây Bắc và 01 cổng phụ tại phía Đông mặt bằng.

- Giao thông đối nội: Quy hoạch các tuyến đường giao thông nội bộ với kết cấu bề tổng có chiều rộng từ 3m đến 7m.

6.3. Quy hoạch cấp điện:

Hệ thống điện được đấu nối sử dụng lưới điện hiện trạng của KCN Phú Tài thông qua Trạm biến áp 250kVA (tại vị trí hành lang kỹ thuật, cạnh TBA của Công ty Trường Sơn) để phân phối cho nhà máy.

6.4. Hệ thống cấp nước:

- Nguồn nước cấp được lấy từ hệ thống cấp nước cho KCN Phú Tài tại vị trí điểm đấu nối tại góc Tây Bắc mặt bằng.

- Hệ thống cấp nước sử dụng ống HDPE Ø100mm để cấp nước cho bể nước PCCC và sử dụng ống HDPE Ø50mm để cấp nước sinh hoạt.

6.5. Quy hoạch thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế riêng biệt với hệ thống thoát nước thải và theo nguyên tắc tự chảy. Nước mưa trong dự án được thu gom về các hố ga được dẫn bằng hệ thống mương hở có nắp đan, sau đó đấu nối vào hố ga thu gom nước mưa chung của KCN Phú Tài tại điểm M (góc Tây Nam).

- Đối với khu vực cây xanh thảm cỏ trong dự án được thoát theo hướng tự thấm và các dòng chảy tự nhiên.

6.6. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Hệ thống thoát nước thải được thiết kế riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải phát sinh được thu gom đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Phú Tài tại điểm T (góc Tây Bắc).

- Hệ thống thoát nước thải sử dụng ống nhựa HDPE Ø200mm.

- Chất thải rắn được thu gom, phân loại, tập kết tại khu chứa chất thải rắn và ký hợp đồng với các đơn vị chức năng để xử lý theo quy định.

IV. Đánh giá nội dung đồ án điều chỉnh quy hoạch:

1. Về sự phù hợp với quy hoạch cấp trên: Nội dung đồ án quy hoạch được lập phù hợp với đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng điều chỉnh tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Phú Tài đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2406/QĐ-UBND ngày 04/7/2023.

2. Các căn cứ pháp lý: Phù hợp với quy định hiện hành.

3. Về thành phần hồ sơ và thể thức trình bày: Đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022.

4. Về nội dung quy hoạch:

- Sự phù hợp với chủ trương đầu tư: Phù hợp.

- Về việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư trong quá trình lập quy hoạch: Chủ đầu tư đã tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư có liên quan về đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500, đảm bảo tuân thủ theo quy định (biên bản ngày 05/6/2024).

- Về phương án bố trí các hạng mục công trình:

+ Các hạng mục công trình được bố trí theo nhu cầu của Chủ đầu tư, nhằm phù hợp với dây chuyền sản xuất, điều kiện thực tế của nhà máy, hạn chế sự ảnh hưởng đến các dự án lân cận.

+ Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức trồng cây xanh đảm bảo tuân thủ theo quy hoạch.

- Về các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của đồ án: Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của đồ án phù hợp theo quy định của QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn Quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Về hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của nhà máy có các điểm đầu nối phù hợp với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung đã đầu tư của KCN, và các thỏa thuận đầu nối với các đơn vị chuyên ngành.

- Về sự phù hợp với giải pháp PCCC: Giải pháp thiết kế khoảng cách an toàn PCCC đã được đơn vị cảnh sát PCCC thống nhất tại Văn bản số 833/PC07-Đ1 ngày 10/6/2024. Theo đó, đề nghị Chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện, đảm bảo tuân thủ theo quy định.

5. Về năng lực hành nghề của đơn vị tư vấn:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

6

- Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Huy Hoàng được Sở Xây dựng TP Hà Nội cấp chứng chỉ năng lực hoạt động số HAN-00005675 ngày 07/10/2019 (phạm vi hoạt động: lập quy hoạch xây dựng, hạng II, thời hạn chứng chỉ đến ngày 04/10/2029), đủ điều kiện năng lực, kinh nghiệm tham gia tư vấn thiết kế quy hoạch xây dựng, phù hợp với quy mô dự án.

- Cá nhân chủ nhiệm, chủ trì thiết kế có chứng chỉ năng lực hành nghề đảm bảo theo quy định.

V. Kết luận: Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Mở rộng dây chuyền xưởng sản xuất đồ gỗ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa được lập phù hợp với hệ thống văn bản pháp lý hiện hành.

VI. Lệ phí thẩm định quy hoạch (có bảng tính chi phí thẩm định kèm theo): 32.631.000 đồng (Bảng chữ: Ba mươi hai triệu, sáu trăm ba mươi một nghìn đồng).

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Ban;
- Công ty TNHH SX TM Trung Thanh;
- TT HCC tỉnh;
- VPDD BQL;
- Lưu: VT, QLQHXD.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Phan Việt Hùng

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỐ : 08F/2023/HĐBS-TLĐ-A Quy Nhơn, ngày 04 tháng 8 năm 2023

HỢP ĐỒNG BỔ SUNGVề việc cho thuê lại đất gắn kết cầu hạ tầng
tại một phần lô B55 và lô B55 MR, KCN Phú Tài**I- CÁC CĂN CỨ:**

Căn cứ các Hợp đồng số 08/2016/HĐ-TLĐ-A ngày 12/9/2016; số 08a/2017/HĐBS-TLĐ-A ngày 12/5/2017; 08b/2017/HĐBS-TLĐ-A ngày 06/12/2017; 08c/2019/HĐBS-TLĐ-A ngày 04/8/2019; số 08d/2021/HĐBS-TLĐ-A ngày 12/10/2021 và số 08e/2022/HĐBS-TLĐ-A ngày 13/7/2022 giữa Công ty TNHH SX TM Trung Thanh với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định về việc thuê lại đất gắn kết cầu hạ tầng tại một phần lô B55, KCN Phú Tài.

Căn cứ Quyết định số 1471/QĐ-CTUBND ngày 12/7/2010 và 2406/QĐ-CTUBND ngày 04/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định việc phê Điều chỉnh Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 KCN Phú Tài thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 242/QĐ-BQL ngày 03/8/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế cấp cho Công ty TNHH SX TM Trung Thanh tại một phần lô B55, KCN Phú Tài, diện tích 7.835,2 m² để đầu tư mở rộng Dây chuyên xưởng sản xuất đồ gỗ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.

II- CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG:**1. Bên cho thuê lại đất (Gọi tắt là Bên A):**

Đơn vị : **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH ĐỊNH.**
Đại diện : Ông *Phạm Văn Thành* Chức vụ : Chủ tịch HĐQT
Địa chỉ : 338 Lạc Long Quân, P. Trần Quang Diệu, TP Quy Nhơn
Điện thoại : (0256) 3841414 - 3841466
Số tài khoản : 58110000026728 tại BIDV - Chi nhánh Phú Tài
Mã số thuế : 4101 137 456

2. Bên thuê lại đất (Gọi tắt là Bên B):

Đơn vị : **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TM TRUNG THANH**
Đại diện : Ông *Đỗ Thành Trung* Chức vụ : Giám đốc
Địa chỉ : Tổ 7, KV1, phường Trần Quang Diệu, Tp Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
Điện thoại : 0932443379
Mã số thuế : 4101467165



Chủ dự án : Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh
Đơn vị tư vấn : Công ty TNHH TV Môi trường Tiến Vương

III- NỘI DUNG HỢP ĐỒNG:

Hai Bên đồng ý ký kết Hợp đồng bổ sung về thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng tại KCN Phú Tài, với các điều khoản sau:

Điều 1: Điều chỉnh diện tích thuê lại đất:

- Theo Hợp đồng đã ký: 1.335,2m² (Một nghìn, ba trăm ba mươi lăm phẩy hai mét vuông).

- Nay điều chỉnh lại: 7.835,2 m² (Bảy nghìn, tám trăm ba mươi lăm phẩy hai mét vuông);

- Diện tích chênh lệch tăng: 6.500 m² (Sáu nghìn năm trăm mét vuông)

Điều 2: Bổ sung thời điểm tính tiền; đơn giá; phương thức thanh toán tiền thuê sử dụng kết cấu hạ tầng và phí duy tu bảo dưỡng hạ tầng KCN đối với phần diện tích tăng 6.500 m²:

1/ Thời điểm tính tiền: Kể từ ngày 01/8/2023.

2/ Đơn giá:

- Tiền thuê lại đất: 2.079 đồng/m²/năm (chưa thuế VAT);

- Phí duy tu bảo dưỡng hạ tầng KCN: 3.472 đồng/m²/năm (chưa thuế VAT);

- Tiền thuê sử dụng kết cấu hạ tầng: 11.113 đồng/m²/năm (chưa thuế VAT);

3/ Phương thức thanh toán:

3.1/ Tiền thuê lại đất:

Thanh toán hàng năm, chậm nhất đến ngày 30 tháng 6 hàng năm, riêng năm 2023 chậm nhất đến ngày 30/9/2023. Nếu Bên B chậm thanh toán thì phải trả tiền lãi với lãi suất 1,5%/tháng (lãi suất tính trên tổng số tiền Bên B chưa thanh toán bằng tiền Việt Nam đồng). Thời gian Bên B thanh toán chậm nhất không quá 06 (sáu) tháng.

3.2/ Phí duy tu bảo dưỡng hạ tầng:

Thanh toán hàng năm, chậm nhất đến ngày 30 tháng 6 hàng năm, riêng năm 2023 chậm nhất đến ngày 30/9/2023. Nếu Bên B chậm thanh toán, thì phải thanh toán bổ sung khoản chậm nộp tính bằng đơn giá năm thanh toán cộng thêm 347 đồng/m²/năm (chưa thuế VAT).

Từ năm 2027 trở đi: phí duy tu, bảo dưỡng thanh toán theo quy định cấp thẩm quyền.

3.3/ Tiền thuê sử dụng kết cấu hạ tầng: Từ ngày 01/8/2023-31/12/2048: Bên B thanh toán như sau:

$6.500 \text{ m}^2 \times 11.113 \text{ đồng/m}^2 \times 9.150 \text{ ngày/360 ngày} = 1.835.960.208 \text{ đồng}$

Thuế VAT: $1.835.960.208 \text{ đồng} \times 10\% = 183.596.021 \text{ đồng}$

Cộng: 2.019.556.229 đồng.

+ Đợt 1: 50%: 1.009.778.115 đồng; Bên B đã thanh toán xong.

+ Đợt 2: 15%: 302.933.434 đồng, chậm nhất đến ngày 30/6/2024.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

3

- + Đợt 3: 20%: 403.911.246 đồng, chậm nhất đến ngày 30/6/2025.
- + Đợt 4: 15%: 302.933.434 đồng, chậm nhất đến ngày 30/6/2026.

Nếu Bên B chậm thanh toán, thì phải thanh toán bổ sung khoản chậm nộp tính bằng đơn giá năm thanh toán cộng thêm 695 đồng/m²/năm (chưa thuế VAT).

Điều 3: Điều khoản chung:

Các nội dung khác không trái với các Điều 1, Điều 2 của Hợp đồng này thì vẫn giữ nguyên và thực hiện theo các Hợp đồng số 08/2016/HĐ-TLĐ-A ngày 12/9/2016; số 08a/2017/HĐBS-TLĐ-A ngày 12/5/2017; 08b/2017/HĐBS-TLĐ-A ngày 06/12/2017; 08c/2019/HĐBS-TLĐ-A ngày 04/8/2019; số 08d/2021/HĐBS-TLĐ-A ngày 12/10/2021 và số 08e/2022/HĐBS-TLĐ-A ngày 13/7/2022 và là một phần không thể tách rời của các Hợp đồng đã ký nêu trên.

Hợp đồng thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng KCN được lập thành 05 bản, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 01 bản, đồng gửi Sở Tài nguyên & Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định, mỗi đơn vị 01 bản./.

BÊN CHO THUÊ LẠI ĐẤT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Phạm Văn Chân

BÊN THUÊ LẠI ĐẤT

GIÁM ĐỐC



Đỗ Thành Trung



Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Bản giao mặt bằng một phần lô đất B55 và B55MR, KCN Phú Tài cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh.

Hôm nay, vào lúc 08 giờ 30 ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại mặt bằng một phần lô đất B55 và B55MR, KCN Phú Tài, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn.

I/ Thành phần gồm :

1/ Đại diện BQL Khu kinh tế Bình Định:

- | | |
|---------------------------|---------------------------------|
| - Ông: Nguyễn Văn Khôi | Chức vụ: Phó trưởng VP Đại diện |
| - Ông: Nguyễn Minh Phương | Chức vụ: CV VP Đại diện |

2/ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định.

- | | |
|--------------------------|-----------------------------------|
| - Ông: Võ Đình Luyện | Chức vụ: Phó Giám đốc. |
| - Ông: Mai Tiến Sỹ | Chức vụ: Trưởng phòng KH-KD. |
| - Ông: Nguyễn Minh Chánh | Chức vụ: Phụ trách phòng QLHT-MT. |
| - Ông: Lê Văn Việt | Chức vụ: NV phòng QLHT-MT. |

3/ Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh.

- | | |
|-----------------------|--------------------|
| - Ông: Đỗ Thành Trung | Chức vụ: Giám đốc. |
|-----------------------|--------------------|

4/ UBND phường Bùi Thị Xuân.

- | | |
|-----------------------|------------------------|
| - Ông: Trần Quốc Dũng | Chức vụ: Phó Chủ tịch. |
|-----------------------|------------------------|

II/ Nội dung:

Căn cứ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Văn bản 242/QĐ-BQL ngày 03/8/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh đầu tư dự án Mở rộng dây chuyền xưởng sản xuất đồ gỗ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa tại một phần lô đất B55 và B55MR, KCN Phú Tài. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định cùng các bên liên quan tiến hành bàn giao mặt bằng một phần lô đất B55 và B55MR cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh thuê lại đất để làm các thủ tục đầu tư theo quy định.

Mặt bằng một phần lô đất B55 và B55MR, KCN Phú Tài bàn giao cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh được giới hạn bởi các cọc mốc: R1, R2, R3, R4, R5, R6, R7, R8.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

* Giới cận lô đất B55:

- + Phía Đông giáp một phần lô đất B55 của Công ty TNHH Granite An Nhơn.
- + Phía Tây giáp một phần lô đất B55 của Công ty TNHH SX TM Trung Thanh.
- + Phía Nam giáp một phần lô đất B55MR, KCN Phú Tài.
- + Phía Bắc giáp Đường số 23, KCN Phú Tài.

Diện tích một phần lô đất B55: SR1R2R3R8 = 3.000 m²

(Ba nghìn mét vuông).

* Giới cận lô đất B55MR:

- + Phía Tây giáp Mương thoát nước địa hình KCN Phú Tài.
- + Phía Đông giáp phần đất Hành lang cây xanh KCN Phú Tài.
- + Phía Nam giáp phần đất Hành lang cây xanh KCN Phú Tài.
- + Phía Bắc giáp lô đất B55, KCN Phú Tài.

Diện tích một phần lô đất B55: SR4R5R6R7 = 3.500 m²

(Ba nghìn năm trăm mét vuông).

Kể từ ngày nhận mặt bằng một phần lô đất B55 và B55MR, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh có trách nhiệm bảo quản mốc giới và chỉ được triển khai xây dựng các hạng mục công trình khi có đầy đủ hồ sơ pháp lý.

Biên bản kết thúc lúc 10 giờ 00 cùng ngày, nội dung được thông qua các Bên thống nhất ký tên./.

ĐD BQL KHU KINH TẾ BÌNH ĐỊNH

CÔNG TY CPĐT VÀ XD BÌNH ĐỊNH

[Signature]
Nguyễn Thị Hương

[Signature]
Võ Đình Luyện

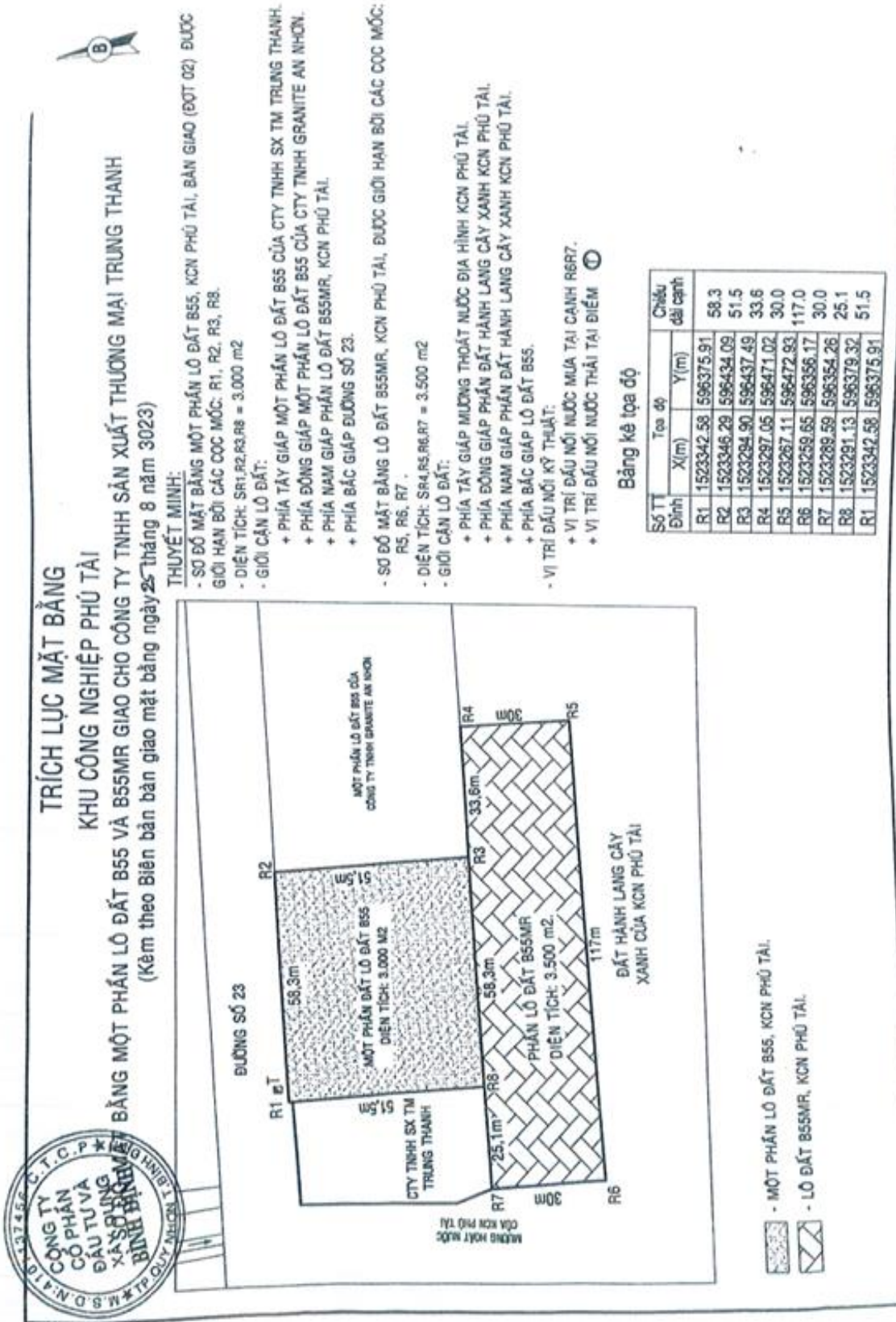
CÔNG TY TNHH SX TM TRUNG THANH
M.S.D.N: 4101467165
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI TRUNG THANH
TỈNH BÌNH ĐỊNH
[Signature]
Thành Trung

UBND PHƯỜNG BÙI THỊ XUÂN

[Signature]
Trần Quốc Dũng

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ



Chủ dự án: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh
 Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TV Môi trường Tiên Vương

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ
Số: **14** /GXN-BQL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bình Định, ngày **31** tháng 5 năm 2017

**GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định xác nhận Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Trung Thanh đã đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy sản xuất ván sàn, gỗ ghép xuất khẩu và tiêu thụ nội địa tại một phần lô B55, KCN Phú Tài thuộc phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định vào ngày 26/5/2017.

Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Trung Thanh có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, các biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản Kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.
2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo Kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33, Luật bảo vệ môi trường năm 2014.
3. Báo cáo với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định khi có những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến hoạt động của dự án và chỉ được thực hiện khi có sự chấp thuận bằng Văn bản của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định.

Kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy sản xuất ván sàn, gỗ ghép xuất khẩu và tiêu thụ nội địa tại một phần lô B55, KCN Phú Tài kèm theo Giấy xác nhận đăng ký này được cấp cho Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Trung Thanh, để thực hiện và được lưu tại cơ quan Nhà nước để kiểm tra, giám sát.


Nơi nhận:

- Công ty TNHH SX TM Trung Thanh;
- UBND TP. Quy Nhơn;
- UBND P. Bùi Thị Xuân;
- Công ty CP ĐTXD Bình Định;
- P. QLQH XD, VP Đại diện BQLKKT;
- Lưu: VT, P.QLTNMT


KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Ngô Văn Tổng

Chủ dự án: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh
Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TV Môi trường Tiến Vương



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH ĐỊNH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
ĐC: 174 - Trần Hưng Đạo, TP Quy Nhơn - ĐT: 0256. 6544468 - 6533368



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký hiệu: 1885/18720724
Ngày: 29/8/2024
Trang: 1/1

I. Đơn vị yêu cầu: Công ty TNHH tư vấn Môi trường Tiến Vương

II. Loại mẫu : Không khí xung quanh **Lượng mẫu:**

III. Thời gian:

Lấy mẫu: 29/7/2024 **Thử nghiệm:** 29/7/2024-29/8/2024 **Lưu mẫu:**

IV. Địa điểm lấy mẫu: Mở rộng dây chuyên xưởng sản xuất đồ gỗ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa – Công ty TNHH sản xuất thương mại Trung Thanh, lô B55, KCN Phú Tài, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

V. Thông tin mẫu phân tích: **Mô tả mẫu:** **Ký hiệu mẫu:**

Vị trí lấy mẫu **KKI**

- Khu vực phân xưởng hiện trạng của công ty, tọa độ:
1523317; 596362 (7h30)


KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm
1	Tiếng ồn ^(c)	dBA	TCVN 7878-2:2010	64,2
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(c)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	109
3	SO ₂ ^(c)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	59
4	CO ^(c)	µg/Nm ³	HDPTK-02.4	<5600
5	NO ₂ ^(c)	µg/Nm ³	TCVN 6137-2009	25

VI. Ghi chú:


- Không được trích sao nội dung của phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường;
- Kết quả trong phiếu này chỉ có giá trị cho mẫu thử nghiệm;
- Mục I, II, IV, V được ghi theo đúng yêu cầu của đơn vị;
- (a) Các chỉ tiêu được chứng nhận VIMCERTS
- (b) Các chỉ tiêu được chứng nhận VILAS
- (d) Chỉ tiêu theo yêu cầu khách hàng
- (KPH) Không phát hiện, (LOQ) giới hạn định lượng, (MDL) giới hạn phát hiện
- (c) Các chỉ tiêu nhà thầu phụ

PHÒNG QT-PT





Nguyễn Trung Nghĩa

GIÁM ĐỐC




Trần Hoàn Khoa Tiến





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH ĐỊNH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
 ĐC: 174 - Trần Hưng Đạo, TP Quy Nhơn - ĐT: 0256. 6544468 - 6533368




**VILAS 671
VIMCERT 01**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký hiệu: 1886/18730724

Ngày: 29/8/2024

Trang: 1/1

I. Đơn vị yêu cầu: Công ty TNHH tư vấn Môi trường Tiến Vương

II. Loại mẫu: Không khí xung quanh

Lượng mẫu:

III. Thời gian:

Lấy mẫu: 29/7/2024 Thử nghiệm: 29/7/2024-29/8/2024 Lưu mẫu:

IV. Địa điểm lấy mẫu: Mở rộng dây chuyền xưởng sản xuất đồ gỗ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa – Công ty TNHH sản xuất thương mại Trung Thanh, lô B55, KCN Phú Tài, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

V. Thông tin mẫu phân tích:

Vị trí lấy mẫu

Mô tả mẫu:

Ký hiệu mẫu:

- Khu vực phân xưởng mở rộng của công ty, tọa độ:
1523315; 596400 (8h30)

KK2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm
1	Tiếng ồn ^(c)	dBA	TCVN 7878-2:2010	63,8
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(c)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	98
3	SO ₂ ^(c)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	55
4	CO ^(c)	µg/Nm ³	HDPTK-02.4	<5600
5	NO ₂ ^(c)	µg/Nm ³	TCVN 6137-2009	22

VI. Ghi chú:


- Không được trích sao nội dung của phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường.
- Kết quả trong phiếu này chỉ có giá trị cho mẫu thử nghiệm;
- Mục I, II, IV, V được ghi theo đúng yêu cầu của đơn vị;
- (a) Các chỉ tiêu được chứng nhận Vincerts
- (b) Các chỉ tiêu được chứng nhận VILAS
- (d) Chỉ tiêu theo yêu cầu khách hàng
- (KPH): Không phát hiện, (LOQ): giới hạn định lượng, (MDL): giới hạn phát hiện
- (c): Các chỉ tiêu nhà thầu phụ

PHÒNG QT-PT




 Nguyễn Trung Nghĩa


Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH ĐỊNH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
 ĐC: 174 - Trần Hưng Đạo, TP Quy Nhơn - ĐT: 0256. 6544468 - 6533368

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký hiệu: 1887/18740724
 Ngày: 29/8/2024
 Trang: 1/1

I. Đơn vị yêu cầu: Công ty TNHH tư vấn Môi trường Tiến Vương

II. Loại mẫu : Không khí xung quanh **Lượng mẫu:**

III. Thời gian:

Lấy mẫu: 29/7/2024 **Thử nghiệm:** 29/7/2024-29/8/2024 **Lưu mẫu:**

IV. Địa điểm lấy mẫu: Mở rộng dây chuyên xưởng sản xuất đồ gỗ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa – Công ty TNHH sản xuất thương mại Trung Thanh, lô B55, KCN Phú Tài, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

V. Thông tin mẫu phân tích:

Vị trí lấy mẫu **Mô tả mẫu:** **Ký hiệu mẫu:**
 - Khu vực phân xưởng hiện trạng của công ty, tọa độ: KK3
 1523317; 596362 (10h40)


KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm
1	Tiếng ồn ^(c)	dBA	TCVN 7878-2:2010	65,3
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(c)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	115
3	SO ₂ ^(c)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	61
4	CO ^(c)	µg/Nm ³	HDPTK-02.4	<5600
5	NO ₂ ^(c)	µg/Nm ³	TCVN 6137-2009	27


VI. Ghi chú:

- Không được trích sao nội dung của phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường.
- Kết quả trong phiếu này chỉ có giá trị cho mẫu thử nghiệm.
- Mục I, II, IV, V được ghi theo đúng yêu cầu của đơn vị.
- (a). Các chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts
- (b). Các chỉ tiêu được chứng nhận VILAS
- (d). Chỉ tiêu theo yêu cầu khách hàng
- (KPH): Không phát hiện, (LOQ): giới hạn định lượng, (MDL): giới hạn phát hiện
- (c). Các chỉ tiêu nhà thầu phụ

PHÒNG QT-PT



Nguyễn Trung Nghĩa



TRẦN ĐOÀN KHOA TIẾN

Chủ dự án: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TV Môi trường Tiến Vương



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH ĐỊNH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

ĐC: 174 - Trần Hưng Đạo, TP Quy Nhơn - ĐT: 0256. 6544468 - 6533368



VILAS 671
VIMCERT 014

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký hiệu: 1888/18750724

Ngày: 29/8/2024

Trang: 1/1

I. Đơn vị yêu cầu: Công ty TNHH tư vấn Môi trường Tiến Vương

II. Loại mẫu : Không khí xung quanh

Lượng mẫu:

III. Thời gian:

Lấy mẫu: 29/7/2024 **Thử nghiệm:** 29/7/2024-29/8/2024 **Lưu mẫu:**

IV. Địa điểm lấy mẫu: Mở rộng dây chuyền xưởng sản xuất đồ gỗ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa – Công ty TNHH sản xuất thương mại Trung Thanh, lô B55, KCN Phú Tài, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

V. Thông tin mẫu phân tích:

Vị trí lấy mẫu

- Khu vực phân xưởng mở rộng của công ty, tọa độ:
1523315; 596400 (11h30)

Mô tả mẫu:

Ký hiệu mẫu:

KK4

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm
1	Tiếng ồn ^(c)	dBA	TCVN 7878-2:2010	64,1
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(c)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	105
3	SO ₂ ^(c)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	58
4	CO ^(c)	µg/Nm ³	HDPTK-02.4	<5600
5	NO ₂ ^(c)	µg/Nm ³	TCVN 6137-2009	24

VI. Ghi chú:

- Không được trích sao nội dung của phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường.
- Kết quả trong phiếu này chỉ có giá trị cho mẫu thử nghiệm.
- Mục I, II, IV, V được ghi theo đúng yêu cầu của đơn vị.
- (a) Các chỉ tiêu được chứng nhận VIMcerts
- (b) Các chỉ tiêu được chứng nhận VILAS
- (d) Chỉ tiêu theo yêu cầu khách hàng
- (KPH) Không phát hiện, (LOQ): giới hạn định lượng, (MDL): giới hạn phát hiện
- (c) Các chỉ tiêu nhà thầu phụ

PHÒNG QT-PT

Nguyễn Trung Nghĩa



GIÁM ĐỐC

Trần Đoàn Khoa Tiến

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH ĐỊNH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
 DC: 174 - Trần Hưng Đạo, TP Quy Nhơn - DT: 0256. 6544468 - 6533368



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký hiệu: 1889/18760724

Ngày: 29/8/2024

Trang: 1/1

I. Đơn vị yêu cầu: Công ty TNHH tư vấn Môi trường Tiến Vương

II. Loại mẫu: Không khí xung quanh

Lượng mẫu:

III. Thời gian:

Lấy mẫu: 29/7/2024 Thử nghiệm: 29/7/2024-29/8/2024 Lưu mẫu:

IV. Địa điểm lấy mẫu: Mở rộng dây chuyền xưởng sản xuất đồ gỗ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa - Công ty TNHH sản xuất thương mại Trung Thanh, lô B55, KCN Phú Tài, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

V. Thông tin mẫu phân tích:

Vị trí lấy mẫu

- Khu vực phân xưởng hiện trạng của công ty, tọa độ:
1523317; 596362 (14h30)

Mô tả mẫu:

Ký hiệu mẫu:

KK5

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm
1	Tiếng ồn ^(c)	dB(A)	TCVN 7878-2:2010	65,3
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(c)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	121
3	SO ₂ ^(c)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	62
4	CO ^(c)	µg/Nm ³	HDPTK-02.4	<5600
5	NO ₂ ^(c)	µg/Nm ³	TCVN 6137-2009	28

VI. Ghi chú:

- Không được trích sao nội dung của phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường.
- Kết quả trong phiếu này chỉ có giá trị cho mẫu thử nghiệm.
- Mục I, II, IV, V được ghi theo đúng yêu cầu của đơn vị.
- (a) Các chỉ tiêu được chứng nhận VIMCERTS
- (b) Các chỉ tiêu được chứng nhận VILAS
- (d) Chỉ tiêu theo yêu cầu khách hàng
- (KPH) Không phát hiện, (LOQ) giới hạn định lượng, (MDL) giới hạn phát hiện
- (c) Các chỉ tiêu nhà thầu phụ

PHÒNG QT-PT

Nguyễn Trung Nghĩa
 Nguyễn Trung Nghĩa



Trần Đoàn Khoa Tiến

Chủ dự án: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh
Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TV Môi trường Tiến Vương

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án: Mở Rộng Dây Chuyên Xưởng Sản Xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu Và Tiêu Thụ



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH ĐỊNH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

ĐC: 174 - Trần Hưng Đạo, TP Quy Nhơn - ĐT: 0256. 6544468 - 6533368



VILAS 671
VIMCERT 014

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký hiệu: 1890/18770724

Ngày: 29/8/2024

Trang: 1/1

I. Đơn vị yêu cầu: Công ty TNHH tư vấn Môi trường Tiến Vương

II. Loại mẫu: Không khí xung quanh

Lượng mẫu:

III. Thời gian:

Lấy mẫu: 29/7/2024 Thử nghiệm: 29/7/2024-29/8/2024 Lưu mẫu:

IV. Địa điểm lấy mẫu: Mở rộng dây chuyền xưởng sản xuất đồ gỗ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa - Công ty TNHH sản xuất thương mại Trung Thanh, lô B55, KCN Phú Tài, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

V. Thông tin mẫu phân tích:

Mô tả mẫu:

Ký hiệu mẫu:

Vị trí lấy mẫu

- Khu vực phân xưởng mở rộng của công ty, tọa độ: 1523315; 596400 (15h20)

KK6

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm
1	Tiếng ồn ^(c)	dBA	TCVN 7878-2:2010	62,8
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(c)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	93
3	SO ₂ ^(c)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	57
4	CO ^(c)	µg/Nm ³	HDPTK-02.4	<5600
5	NO ₂ ^(c)	µg/Nm ³	TCVN 6137-2009	23

VI. Ghi chú:

- Không được trích sao nội dung của phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường.

- Kết quả trong phiếu này chỉ có giá trị cho mẫu thử nghiệm;

- Mục I, II, IV, V được ghi theo đúng yêu cầu của đơn vị.

- (a) Các chỉ tiêu được chứng nhận Vimecerts

- (b) Các chỉ tiêu được chứng nhận VILAS

- (d) Chỉ tiêu theo yêu cầu khách hàng

- (KPH): Không phát hiện, (LOQ): giới hạn định lượng; (MDL): giới hạn phát hiện

- (c): Các chỉ tiêu nhà thầu phụ

PHÒNG QT-PT

Nguyễn Trung Nghĩa



Chủ dự án: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Thanh
Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TV Môi trường Tiến Vương